BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5395 /BTC-TCT V/v xin ý kiến về đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định 51, Nghị định 04 về hóa đơn.	*Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2017*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1384
Ngày: 5.5.17
Chuyển: Hồ sơ

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng website);
- Các Hiệp hội: Hiệp hội tư vấn thuế Việt Nam; Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán; Hiệp hội doanh nghiệp ngành công nghiệp hỗ trợ TP Hà Nội (HANSIBA), Hiệp hội Doanh nghiệp TP Hồ Chí Minh (HUBA), Hiệp hội doanh nghiệp Nhỏ và vừa Việt Nam, Hiệp hội Da - Giầy Việt Nam, Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam (VAMI), Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam (VEIA), Hiệp hội doanh nghiệp sản xuất ô tô xe máy Việt Nam (VAMA), Hiệp hội chế biến thủy sản xuất khẩu (VASEP).

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế, Luật Kế toán, Luật Giao dịch điện tử, năm 2010 Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định về hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ (thay thế Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 7/11/2002 của Chính phủ quy định về việc in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn), tiếp theo năm 2014, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 14/1/2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP.

Thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính Phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Nghị Quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính Phủ điện tử, tại khoản 4 Mục IV Nghị quyết giao Bộ Tài chính "thực hiện hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc; trong đó cơ quan thuế hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện hóa đơn điện tử có xác thực của cơ quan thuế", Bộ Tài chính đã thực hiện tổng kết việc thực hiện Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP nêu trên.

Bộ Tài chính dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP theo quy định tại Điều 87 Luật

ban hành Văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 gồm: (i) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị định; (ii) Báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP; (iii) Đánh giá tác động của chính sách; (iv) Đề cương dự thảo Nghị định; (v) Kinh nghiệm quốc tế về sử dụng hóa đơn điện tử.

Đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia để Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Chính phủ xem xét.

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) trước ngày 8./5/2017 theo địa chỉ: Tòa nhà VCTonlie 18 Tam Trinh - Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội, số điện thoại: 043.9719.461.

Bộ Tài chính xin cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng website);
- Vụ CST, Vụ PC (BTC);
- Lưu: VT, TCT (VT, CS (02b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

dự thảo

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ

Về Đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế, Luật Kế toán, Luật Giao dịch điện tử, năm 2010 Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định về hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ (thay thế Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 7/11/2002 của Chính phủ quy định về việc in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn), tiếp theo năm 2014, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP.

Thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Nghị Quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử, tại khoản 4 Mục IV Nghị quyết giao Bộ Tài chính "thực hiện hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc; trong đó cơ quan thuế hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện hóa đơn điện tử có xác thực của cơ quan thuế", Bộ Tài chính đã có văn bản gửi các Cục Thuế đề nghị tổng kết việc thực hiện Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP nêu trên, sau đó Bộ Tài chính đã dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP theo đúng quy định tại Điều 87 Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính, gửi lấy ý kiến Bộ Nội vụ và Bộ ngoại giao, gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

Căn cứ vào ý kiến của các tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh lý một số nội dung, **Bộ Tài chính xin trình Chính phủ Đề nghị xây dựng Nghị định thay thế** Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số

04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị định

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định về hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính và để hướng dẫn Luật số 31/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26/11/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015, trong đó có nội dung hướng dẫn người nộp thuế thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế thì lập hóa đơn điện tử và gửi thông tin trên hóa đơn bằng phương thức điện tử cho cơ quan thuế để nhận mã hóa đơn từ cơ quan thuế (gọi là hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

Triển khai thực hiện các Nghị định nêu trên, Bộ Tài chính đã ban hành 03 (ba) Thông tư hướng dẫn gồm: *(1)* Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 quy định chung về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (Thông tư số 39/2014/TT-BTC thay thế các Thông tư: Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010; Thông tư số 13/2011/TT-BTC ngày 8/2/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 153/2010/TT-BTC; Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15/5/2013); *(2)* Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 hướng dẫn về khởi tạo, phát hành, và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; *(3)* Thông tư số 191/2010/TT-BTC ngày 01/12/2010 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hoá đơn vận tải hành khách bằng xe ôtô.

Đồng thời để triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính, triển khai Chính phủ điện tử theo Nghị Quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, mở rộng việc điện tử hóa các thủ tục hành chính và thực hiện Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/06/2015 về việc thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế; Quyết định số 2660/QĐ-BTC ngày 14/12/2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 1209/QĐ-BCT ngày 23/06/2015.

1. Những kết quả đạt được thực hiện Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP

a) Kết quả chung

Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP đã thay đổi phương thức quản lý hóa đơn phù hợp với công tác quản lý thuế tại thời điểm năm 2010, góp phần quản lý rủi ro và phù hợp với thông lệ quốc tế, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Nghị định 51/2010/NĐ-CP đã chuyển đổi phương thức phát hành, quản lý hóa đơn của doanh nghiệp từ cơ chế "mua hóa đơn của cơ quan thuế" sang cơ chế "doanh nghiệp tự đặt in, tự in hóa đơn" để sử dụng và chuyển đổi phương thức quản lý hóa đơn của cơ quan thuế bằng việc phân quyền cho Cục Thuế các địa

phương (Cục Thuế) được đặt in hóa đơn bán cho các tổ chức, cá nhân không phải là doanh nghiệp nhưng có hoạt động kinh doanh. Quy định tại Nghị định 51/2010/NĐ-CP đã tạo ra sự đổi mới trong việc trao quyền tự chủ về hóa đơn cho các doanh nghiệp, góp phần cải các thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm của cơ quan thuế địa phương trong công tác quản lý hóa đơn. [1]

Thứ hai, Nghị định 51/2010/NĐ-CP với nội dung cơ bản là phát hành, sử dụng hóa đơn giấy nhưng đã có quy định về hóa đơn điện tử. Việc bổ sung hình thức hóa đơn điện tử có ý nghĩa quan trọng tạo cơ sở pháp lý để các doanh nghiệp hiện đại hóa công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại.

Thứ ba, Nghị định 04/2014/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 51/2010/NĐ-CP đã bổ sung các quy định: doanh nghiệp rủi ro[2] phải mua hóa đơn của cơ quan thuế để sử dụng trong thời gian 12 tháng; hộ kinh doanh không được đặt in, không được tự in hóa đơn; đối với doanh nghiệp mới thành lập khi tự in hóa đơn lần đầu, đặt in hóa đơn lần đầu phải thông báo với cơ quan thuế; quy định rõ hơn về điều kiện và trách nhiệm của tổ chức nhận in hóa đơn. Các quy định bổ sung này đã hạn chế được một phần tình trạng hộ kinh doanh, doanh nghiệp đặt in, tự in hóa đơn để xuất hóa đơn khống, mua bán lòng vòng, sử dụng bất hợp pháp, gây thất thu ngân sách nhà nước, gian lận thương mại, ảnh hưởng đến nền kinh tế.

Thứ tư, việc ban hành Nghị định 51/2010/NĐ-CP đã góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hóa đơn, như: quy chuẩn hóa các quy trình quản lý, thanh tra, kiểm tra hóa đơn trong nội bộ cơ quan thuế, xây dựng phần mềm cập nhật các thông tin hóa đơn đã phát hành và hóa đơn không còn giá trị sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ cơ quan thuế trong việc tra cứu hóa đơn của các doanh nghiệp đã phát hành hóa đơn và hóa đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn.

Thứ năm, các hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn được quy định cụ thể, tình tiết rõ ràng, khung phạt hợp lý, phù hợp thực tiễn, có biện pháp khắc phục hậu quả tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan thuế trong việc xử lý các hành vi vi phạm, người nộp thuế cũng có ý thức và trách nhiệm hơn trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn tại đơn vị mình và khắc phục được các lỗi hay vi phạm.[3]

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế và quy định về hóa đơn được chuẩn hóa thì số lượng hóa đơn do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh ngày càng tăng qua các năm.

---

[1] Trước năm 2011, theo Nghị định 89/2002/NĐ-CP thì: (i) các doanh nghiệp mới thành lập phải mua hóa đơn của cơ quan thuế, sau một thời gian hoạt động cơ quan thuế kiểm tra đáp ứng các điều kiện nhất định mới được tự in (đặt in hóa đơn để sử dụng); (ii) Tổng cục Thuế tập trung đặt in hóa đơn để chuyển các Cục thuế bán cho các doanh nghiệp.

[2] Bộ tiêu chí và chỉ số phân tích thông tin đánh giá NNT có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, tin, phát hành và sử dụng hóa đơn ban hành kèm theo Quyết định 253/QĐ-BTC ngày 20/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

[3] Trước ngày 09/11/2013, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lịch vực hóa đơn được quy định tại Nghị định 51/2010/NĐ-CP. Từ ngày 9/11/2013 quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực hóa đơn được quy định tại Chương V Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực giá, phí lệ phí và hóa đơn.

Cụ thể:

Số lượng tổ chức, cá nhân sử dụng các loại hóa đơn qua các năm như sau:

(i) Đối với doanh nghiệp

Năm	Số lượng doanh nghiệp								
	Mua hóa đơn của cơ quan thuế	***Tỷ lệ (%)***	**Đặt in hóa đơn**	***Tỷ lệ (%)***	**Tự in hóa đơn**	***Tỷ lệ (%)***	**Sử dụng HĐĐT**	***Tỷ lệ (%)***	**TỔNG**
2011	158.358	*36,588*	260.226	*60,124*	14.199	*3,281*	30	*0,007*	**432,813**
2012	61.100	*13,714*	372.340	*83,575*	12.037	*2,702*	36	*0,008*	**49,918**
2013	15.974	*3,663*	408.768	*93,737*	11.320	*2,592*	35	*0,008*	**425,909**
2014	28.336	*5,886*	441.985	*91,804*	10.996	*2,284*	125	*0,026*	**481,442**
2015	30.677	*6,159*	457.442	*91,841*	9.633	*1,934*	331	*0,066*	**498,083**
2016	38.641	*7,002*	503.024	*91,157*	9.502	*1,722*	656	*0,119*	**551,823**

Năm	Số lượng hóa đơn sử dụng								
	Số lượng HĐ mua của CQT	***Tỷ lệ (%)***	**Số lượng HĐ đặt in**	***Tỷ lệ (%)***	**Số lượng hóa đơn tự in**	***Tỷ lệ (%)***	**Số lượng hóa đơn điện tử**	***Tỷ lệ (%)***	**TỔNG**
2011	29.047.066	*0.467*	587.471.637	*9.441*	5.605.917.031	*90.092*	9.014	*0.0001*	**432,813**
2012	27.301.663	*0.513*	901.040.173	*16.939*	4.390.827.853	*82.546*	158.141	*0.003*	**49,918**
2013	28.467.323	*0.939*	759.888.169	*25.075*	2.241.682.457	*73.972*	420.775	*0.014*	**425,909**
2014	25.508.011	*1.465*	962.840.411	*55.305*	648.230.140	*37.234*	104.382.615	*5.996*	**481,442**
2015	22.811.566	*0.966*	1.049.986.826	*44.447*	1.086.457.645	*45.991*	203.055.537	*8.596*	**498,083**
2016	16.938.360	*0.500*	974.278.049	*28.777*	2.116.453.583	*62.513*	277.977.559	*8.211*	**551,823**

(ii) Đối với hộ kinh doanh

Năm	Số lượng hộ kinh doanh mua hóa đơn của cơ quan thuế	Số lượng hóa đơn mua
2011	80.432	14.952.429
2012	157.559	28.896.833
2013	311.460	56.871.498
2014	619.248	113.058.159
2015	1.238.496	226.116.318
2016	135.417	26.496.240

Số liệu trên cho thấy: Số lượng doanh nghiệp sử dụng hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in mang tính ổn định qua các năm tuy nhiên số lượng doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử tăng dần qua các năm, cụ thể: năm 2011 mới chỉ có 30 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử thì đến năm 2015 con số này đã là 331 và năm 2016 là 656 doanh nghiệp. Theo đó số lượng hóa đơn điện tử doanh nghiệp sử dụng cũng tăng qua các năm, nếu năm 2011 số lượng hóa đơn điện tử sử dụng mới chỉ là 9.014 hóa đơn thì năm 2016 đã tăng lên hơn 277 triệu hóa đơn.

2. Báo cáo kết quả triển khai thí điểm áp dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

2.1. Về triển khai áp dụng hóa đơn điện tử do doanh nghiệp tự phát hành

Thực hiện nguyên tắc quy định về hóa đơn điện tử tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ[4], Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 hướng dẫn về khởi tạo, phát hành, và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Hóa đơn điện tử theo quy định tại Thông tư số 32/2011/TT-BTC là hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp đủ điều kiện tự phát hành và gửi đến người mua.

Từ năm 2014, Bộ Tài chính đã khuyến khích một số doanh nghiệp sử dụng nhiều hóa đơn giấy, đã có hạ tầng công nghệ thông tin, tuân thủ pháp luật thuế để áp dụng hóa đơn điện tử như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (VNA) và Công ty Vận tải đường sắt Sài Gòn Hà Nội (tình hình sử dụng hóa đơn điện tử của các doanh nghiệp này được nêu tại Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP kèm theo).

Việc sử dụng hoá đơn điện tử mang lại nhiều lợi ích, đến nay trên phạm vi cả nước đã có 656 doanh nghiệp thực hiện hoá đơn điện tử với số lượng hóa đơn điện tử đã sử dụng khoảng 277,98 triệu hoá đơn. Cơ bản các tỉnh, thành trên cả nước đều đã có doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở hai thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh và là các doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, có hạ tầng công nghệ thông tin phát triển, ít rủi ro.

---

[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Hóa đơn điện tử là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về bán hàng hóa, dịch vụ, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành

Tại Điều 7 Nghị định 51/2010/NĐ-CP quy định: "1. Hóa đơn điện tử được khởi tạo, lập, xử lý trên hệ thống máy tính của tổ chức, cá nhân kinh doanh đã được cấp mã số thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ và được lưu trữ trên máy tính của các Bên theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hóa đơn điện tử được sử dụng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử."

Đánh giá kết quả sử dụng hóa đơn điện tử:

Việc áp dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp nêu trên được đánh giá là mang lại kết quả tốt, được khách hàng chấp thuận, mang lại hiệu quả thiết thực về thời gian và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp; qua đó, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kinh doanh, hạch toán kế toán nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Về phía khách hàng: thói quen sử dụng hóa đơn giấy của khách hàng đã dần thay đổi, khách hàng đã hợp tác hơn với doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử. Việc sử dụng hóa đơn điện tử đã giúp khách hàng thuận tiện trọng thanh toán, khách hàng có thể truy cập vào Website của bên bán để xem và tải hóa đơn khi cần do đó khách hàng không phải lưu trữ, bảo quản hóa đơn, tránh rủi ro mất hóa đơn và tiết kiệm được chi phí do không phải in ra giấy.

2.2. Về triển khai Hóa đơn điện tử có mã cơ quan Thuế

Trên cơ sở thông lệ quốc tế một số nước có sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, Bộ Tài chính đã nghiên cứu xây dựng hệ thống hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế. Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế có điểm khác với hóa đơn điện tử do doanh nghiệp phát hành và gửi đến người mua như nêu trên là trước khi được gửi cho người mua thì hóa đơn điện tử được truyền đến hệ thống điện tử của cơ quan thuế để được gắn mã điện tử của cơ quan thuế. Thông qua mã điện tử này, cơ quan thuế sẽ có nội dung dữ liệu của hóa đơn.

Căn cứ quy định tại khoản 12 Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý thuế, tăng cường quản lý của Nhà nước đối với hóa đơn, góp phần hạn chế tình trạng gian lận hóa đơn, nâng cao trách nhiệm người bán và giảm thiểu rủi ro cho người mua, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015 thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực với mục tiêu:

- Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn tập trung để phục vụ công tác quản lý thuế;

- Cải cách thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục về hóa đơn;

- Thí điểm về hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế để hoàn thiện chính sách về hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đồng thời hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin trước khi triển khai rộng toàn quốc;

Việc thí điểm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đã triển khai trên địa bàn TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh. Hiện nay, đã có 315 Doanh nghiệp đăng ký với cơ quan thuế phát hành hóa đơn mã xác thực của cơ quan thuế (trong đó Hà Nội có 201 doanh nghiệp; TP Hồ Chí Minh có 114 doanh nghiệp). Tính đến hết ngày 02/12/2016, tổng số hóa đơn đã phát hành và được xác thực: 2.449.548 hóa đơn,

tổng tiền doanh thu đã xác thực: 18.934 tỷ đồng và tổng số thuế đã xác thực: 880,8 tỷ đồng.

Đánh giá kết quả sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế:

Việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đem lại lợi ích cho doanh nghiệp:

- *Giảm thời gian làm thủ tục hành chính Thuế:* giúp doanh nghiệp giảm thời gian đăng ký sử dụng hóa đơn; không phải làm thủ tục đăng ký mẫu hóa đơn; rút ngắn thời gian thực hiện thông báo phát hành hóa đơn, sử dụng ngay hóa đơn khi đăng ký; không phải báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn;

- *Giảm chi phí cho doanh nghiệp:* giúp doanh nghiệp giảm chi phí giấy, mực in, vận chuyển và đặc biệt chi phí lưu trữ hóa đơn. Khi sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực, doanh nghiệp không phải lập báo cáo sử dụng hóa đơn, dữ liệu từ hóa đơn điện tử được kết nối tự động với phần mềm khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) nên doanh nghiệp không mất thời gian lập Tờ khai thuế GTGT. Do đó giảm được thời gian tuân thủ pháp luật thuế.

- *Khắc phục tình trạng làm giả hóa đơn:* Hóa đơn điện tử và hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế có tính bảo mật cao vì sử dụng chữ ký số của người bán nên khả năng làm giả hóa đơn là khó, vì vậy-việc sử dụng hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn giấy (hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in) sẽ khắc phục được tình trạng làm giả hóa đơn.

Qua thời gian thí điểm, hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đã dần đi vào thực tiễn và một số doanh nghiệp tham gia thí điểm đã lựa chọn sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực để thay thế các hình thức hóa đơn trước đây. Tuy nhiên, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế chủ yếu là các doanh nghiệp tự nguyện tham gia, không có các doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp có rủi ro, doanh nghiệp thuộc đối tượng phải mua hóa đơn của cơ quan thuế. Đây là những đối tượng có ý thức chấp hành pháp luật về thuế thấp, do chưa có biện pháp chế tài bắt buộc nên các doanh nghiệp sẽ phản ứng, không muốn hợp tác với cơ quan thuế.

3. Những tồn tại, bất cập trong quá trình thực hiện Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP

Qua thực tế triển khai Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và qua thực tế áp dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì quy định về quản lý, sử dụng hóa đơn hiện hành còn gặp những hạn chế, bất cập như sau:

Thứ nhất: Một số đối tượng lợi dụng sự thông thoáng của Luật doanh nghiệp trong thủ tục thành lập doanh nghiệp để thành lập nhiều doanh nghiệp thực tế

không kinh doanh nhưng được tự tạo hóa đơn, xuất hóa đơn khống, sử dụng hóa đơn lòng vòng để khấu trừ, hoàn thuế GTGT hoặc thanh toán tiền từ NSNN.

Thứ hai: Hóa đơn gắn với quản lý thuế GTGT tuy nhiên hiện nay với tỷ lệ 91,8% là hóa đơn giấy, 8,2% là hóa đơn điện tử nhưng không có quy định bắt buộc doanh nghiệp chuyển dữ liệu hóa đơn về cơ quan thuế nên công tác quản lý thuế gặp nhiều khó khăn đặc biệt trong công tác quản lý kê khai, hoàn thuế GTGT. Để phù hợp với thông lệ quốc tế, theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 thì từ ngày 01/01/2015 người nộp thuế không phải gửi Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra cho cơ quan thuế và không có quy định chuyển dữ liệu hóa đơn nên cơ quan thuế không có thông tin về giao dịch kinh tế ghi trên hóa đơn do đó nhiều đối tượng đã lợi dụng kẽ hở này để phát hành hóa đơn nhưng không kê khai nộp thuế để trốn thuế.

Thứ ba: Quy định hiện hành về quản lý, sử dụng hóa đơn (nội dung ghi trên hóa đơn, về thủ tục phát hành, quản lý hóa đơn, trách nhiệm của tổ chức kinh tế, trách nhiệm của cơ quan thuế...) được xây dựng cơ bản để áp dụng quản lý đối với hóa đơn giấy (theo hình thức đặt in, tự in) đã có nhiều sơ hở, bất cập, theo đó phương thức quản lý hóa đơn giấy đã trở nên lạc hậu không phù hợp với bối cảnh triển khai thủ tục hành chính điện tử và không phù hợp với tinh thần Nghị Quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính Phủ điện tử là giao Bộ Tài chính "thực hiện hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc; trong đó cơ quan thuế hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện hóa đơn điện tử có xác thực của cơ quan thuế".

Thứ tư: Chưa có quy định bắt buộc về việc áp dụng hóa đơn điện tử nên mặc dù hóa đơn điện tử mang lại nhiều lợi ích kinh tế so với hóa đơn giấy (sử dụng hóa đơn điện tử làm giảm chi phí quản lý, chi phí lưu trữ, tiết kiệm thời gian, bảo vệ môi trường..., sử dụng hóa đơn giấy (theo hình thức đặt in, tự in) có nhiều bất cập là: chi phí sử dụng hóa đơn giấy cao hơn so với hóa đơn điện tử; hóa đơn giấy dễ bị làm giả; thủ tục trong quá trình sử dụng hóa đơn giấy phức tạp) nên việc áp dụng hóa đơn điện tử chưa thực sự đi sâu vào cộng đồng doanh nghiệp, xã hội và một số cơ quan khác của nhà nước cũng chưa chấp nhận hình thức hóa đơn điện tử của doanh nghiệp.

Từ những tồn tại, bất cập nêu trên thì việc sửa đổi Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP để có quy định mới về việc áp dụng hóa đơn điện tử là cần thiết.

4. Đánh giá thực trạng nền kinh tế Việt Nam về hạ tầng CNTT, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin ở Việt Nam hiện nay để áp dụng hóa đơn điện tử

a) Về cơ sở hạ tầng CNTT (sử dụng mạng Internet)

- Theo số liệu của Cục Viễn thông (Bộ Thông tin và truyền thông) thì:

+ Tính đến cuối năm 2014 cả nước đã có hơn 27,5 triệu thuê bao 3G (thuê bao Internet băng rộng di động – Data Card 3G) , con số này đến tháng 1/2017 là hơn 43,9 triệu thuê bao.

+ Tính đến tháng 1/2017 tổng số thuê bao Internet băng rộng cố định là hơn 9,3 triệu thuê bao.

- Theo thông tin của các nhà mạng thì sóng 3G đã phủ khắp 63 tỉnh, thành phố. Từ cuối tháng 10-2016, cơ quan quản lý đã cấp phép triển khai dịch vụ 4G cho ba nhà mạng Viettel, VinaPhone, MobiFone và ngay lập tức, các đơn vị này đã triển khai thử nghiệm để có thể chính thức cung cấp dịch vụ trên diện rộng trong thời gian sớm nhất. Hiện nay các nhà mạng đang dần mở rộng việc triển khai mạng 4G để thay thế cho mạng 3G trên cả nước.

- Về hạ tầng CNTT của cơ quan thuế:

Về đường truyền kết nối: Hiện nay đường truyền kết nối của ngành thuế (hạ tầng truyền thông) đảm bảo kết nối từ Tổng cục (cấp trung ương) tới 63 Cục thuế và gần Chi cục Thuế trên cả nước trong đó có 120 Chi cục thuế ở địa bàn miền núi.

Về ứng dụng khai thuế, nộp thuế điện tử: Ngành thuế đã đẩy mạnh việc kê khai, nộp thuế điện tử thông qua việc kết nối hệ thống ứng dụng ngành thuế với các nhà cung cấp dịch vụ kê khai thuế qua mạng Internet (T-VAN). Kết quả là tính đến hết tháng 3/2017, trong số 581.875 doanh nghiệp đang hoạt động thì có 576.056 doanh nghiệp (chiếm tỷ lệ 99%) đã thực hiện khai thuế điện tử và 565.099 doanh nghiệp (chiếm tỷ lệ 97%) đã thực hiện đăng ký nộp thuế điện tử tại các Ngân hàng thương mại.

b) Hiện nay kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2016 là khoảng 360 tỷ USD được thực hiện thông qua gần 73.000 doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu. Với kim ngạch nhập khẩu khoảng 150 tỷ USD/năm với 5,04 triệu Tờ khai hải quan nhập khẩu, 4,69 triệu Tờ khai hải quan xuất khẩu và được khai toàn bộ bằng phương thức điện tử, với 95-97% kim ngạch nhập khẩu này là nguyên vật liệu đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước. Tất cả các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu đều đã thực hiện các thủ tục hải quan điện tử và đảm bảo có đủ hạ tầng công nghệ thông tin để các giao dịch kinh tế đều được thực hiện điện tử. [5]

c) Các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử hiện nay (656 doanh nghiệp) là các doanh nghiệp có số lượng hóa đơn sử dụng bình quân/tháng lớn (trên 3 triệu hóa đơn), đã có hạ tầng công nghệ thông tin và thuộc các nghành nghề, lĩnh vực gồm: điện, nước, viễn thông, ngân hàng, hàng không, đường sắt, một số doanh nghiệp bán lẻ (Công ty CP Thế giới di động, Công ty bán lẻ FPT)...Đây là các

[5] Theo số liệu của ngành Hải quan, tính đến 31/12/2016 cả nước có 5,04 triệu Tờ khai hải quan nhập khẩu điện tử, 4,69 triệu Tờ khai hải quan xuất khẩu điện tử.

doanh nghiệp lớn (nằm trong Top 500 doanh nghiệp lớn của cả nước) cung cấp trực tiếp hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp đều khẳng định có hạ tầng công nghệ thông tin đủ để áp dụng hóa đơn điện tử.

d) Chính phủ đã ban hành Nghị định 101/2012/NĐ-CP và Nghị định 80/2016/NĐ-CP quy định về quy định về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, bao gồm: mở và sử dụng tài khoản thanh toán; dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; dịch vụ trung gian thanh toán; tổ chức, quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán. Đồng thời Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 phê duyệt đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu tổng quát:

- Tạo sự chuyển biến rõ rệt về thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, làm thay đổi dần tập quán sử dụng các phương tiện thanh toán trong xã hội, giảm chi phí xã hội liên quan đến tiền mặt, giảm tỷ lệ tiền mặt trong lưu thông tính trên GDP, tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán.

- Đảm bảo an ninh, an toàn và hiệu quả hoạt động của các hệ thống thanh quyết toán, các dịch vụ, phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt; tạo lập cơ chế hiệu quả bảo vệ người tiêu dùng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Thúc đẩy việc sử dụng thanh toán điện tử, giảm sử dụng tiền mặt trong các giao dịch thanh toán giữa cá nhân, doanh nghiệp và Chính phủ.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước, minh bạch hóa các hoạt động thanh toán trong nền kinh tế và thu nhập cá nhân trong xã hội, góp phần vào công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm kinh tế.

Và mục tiêu cụ thể:

- Đến cuối năm 2020, tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán ở mức thấp hơn 10%.

- Phát triển mạnh thanh toán thẻ qua các thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán; nâng dần số lượng, giá trị giao dịch thanh toán thẻ qua các thiết bị chấp nhận thẻ. Đến năm 2020, toàn thị trường có trên 300.000 thiết bị chấp nhận thẻ POS được lắp đặt với số lượng giao dịch đạt khoảng 200 triệu giao dịch/năm.

- Thúc đẩy thanh toán điện tử trong thương mại điện tử, thực hiện mục tiêu của Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016 - 2020 (100% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại có thiết bị chấp nhận thẻ và cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng; 70% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông chấp nhận thanh toán hóa đơn của các cá nhân, hộ gia đình qua các hình thức thanh toán

không dùng tiền mặt; 50% cá nhân, hộ gia đình ở các thành phố lớn sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trong mua sắm, tiêu dùng).

- Tập trung phát triển một số phương tiện và hình thức thanh toán mới, hiện đại, phục vụ cho khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, góp phần thúc đẩy Tài chính toàn diện (Financial Inclusion); tăng mạnh số người dân được tiếp cận các dịch vụ thanh toán, nâng tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng lên mức ít nhất 70% vào cuối năm 2020.

Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin nêu trên cho thấy đã đến thời điểm về cơ bản các doanh nghiệp đã đủ điều kiện để áp dụng hóa đơn điện tử và tiến tới áp dụng hóa đơn điện tử trong phạm vi toàn quốc như Nghị quyết số 36a/NQ-CP đề ra..

II. Quan điểm, mục tiêu xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP

Việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP quy định về hóa đơn với nội dung chủ yếu là hóa đơn điện tử cần đảm bảo quan điểm, mục tiêu sau:

1. Quán triệt việc thực hiện Nghị Quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử, đảm bảo thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020. Theo đó, vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người nộp thuế và chống thất thu ngân sách, chống gian lận trong thanh toán từ ngân sách Nhà nước.

2. Xây dựng được cơ sở pháp lý để vận hành việc áp dụng hóa đơn điện tử theo thông lệ quốc tế, tạo được cơ sở dữ liệu về hóa đơn của ngành thuế để ứng dụng quản lý thuế hiện đại, góp phần xây dựng cơ quan thuế điện tử, phục vụ việc xây dựng Chính phủ điện tử.

3. Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật kế toán năm 2015, Luật Giao dịch điện tử, Luật Quản lý thuế, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, các Luật thuế và pháp luật có liên quan.

4. Đảm bảo cơ sở thực tiễn phù hợp với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đồng bộ với việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt đã được quy định tại Nghị định số 101/2012/NĐ-CP, Nghị định số 80/2016/NĐ-CP và Đề án không dùng tiền mặt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016.

5. Kế thừa và phát triển các kết quả đạt được của việc quy định và triển khai hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế thời gian qua.

III. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP về hóa đơn

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP về hóa đơn quy định:

- Việc in, phát hành, sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn giấy.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế các cấp và các cơ quan Nhà nước, tổ chức có liên quan đến việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế, hóa đơn giấy.

- Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc in, khởi tạo, phát hành, sử dụng hóa đơn, hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP về hóa đơn sẽ áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Người bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ tại Việt Nam.

- Tổ chức nhận in hóa đơn; tổ chức cung ứng phần mềm tự in hóa đơn; tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế.

- Tổ chức, cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ.

- Cơ quan quản lý thuế các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc in, khởi tạo, phát hành, sử dụng hóa đơn, hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế.

V. Nội dung chính sách trong Nghị định

Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP về hóa đơn gồm chín (09) nhóm vấn đề với 32 nội dung:

1. Nhóm vấn đề quy định chung về hóa đơn:

Gồm sáu (06) nội dung:

(i) Quy định về loại, hình thức hóa đơn (trong đó hướng dẫn rõ hình thức: hóa đơn điện tử do doanh nghiệp tự tạo, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế);

(ii) Nội dung hóa đơn;

(iii) Nguyên tắc sử dụng hóa đơn;

(iv) Lập hóa đơn, các trường hợp không phải lập hóa đơn (trong đó quy định trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì người bán phải lập hóa đơn kể cả trường hợp có giá trị dưới 200.000VND); đối với hóa đơn giấy theo hình thức tự in/đặt in thì trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ dưới 200.000 VND thì không phải lập và giao hóa đơn, trừ trường hợp người mua yêu cầu).

(v) Ủy nhiệm lập hóa đơn; sử dụng hóa đơn của người mua hàng.

(vi) Quy định sử dụng hóa đơn bất hợp pháp/sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.

2. Nhóm vấn đề quy định đối tượng bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và lộ trình áp dụng

Với mục tiêu đến năm 2020, cơ bản thực hiện hóa đơn điện tử với khoảng 90% số doanh nghiệp hoặc 90% lượng hàng hóa được mua bán (lưu thông) bằng hóa đơn điện tử thì lộ trình thực hiện từ năm 2018 như sau:

Từ ngày 01/01/2018 các đối tượng sau sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế cho hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

(i) Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử kể từ khi có mã số thuế và định kỳ thực hiện kết chuyển dữ liệu hóa đơn cho cơ quan thuế gồm:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập có sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp, Ngân hàng có mức vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng trở lên tính theo số vốn đã thực góp đến thời điểm thông báo phát hành hóa đơn, bao gồm cả Chi nhánh, đơn vị trực thuộc khác tỉnh, thành phố với trụ sở chính có thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT.[6]

(ii) Các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế gồm:

[6] Đây là các đối tượng được tạo hóa đơn tự in kể từ khi có mã số thuế theo quy định tại Nghị định 51, Nghị định 04.

- Doanh nghiệp mới thành lập (không bao gồm doanh nghiệp nêu tại điểm i ở trên);

- Các doanh nghiệp, tổ chức đang mua hóa đơn của cơ quan thuế gồm: Doanh nghiệp vi phạm về quản lý, sử dụng hóa đơn; doanh nghiệp có rủi ro theo thông báo của cơ quan thuế và tổ chức, doanh nghiệp khác thuộc đối tượng mua hóa đơn của cơ quan thuế trước ngày 01/01/2018 phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Thông báo của cơ quan thuế.

(iii) Từ ngày 01/01/2019: 30% các tổ chức, doanh nghiệp còn lại.

(iv) Từ ngày 01/01/2020:

- 80% các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

- Bắt đầu triển khai Hóa đơn điện tử cho các hộ kinh doanh có doanh thu/năm từ 3 tỷ trở lên.

3. Nhóm vấn đề quy định về sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế gồm năm (05) nội dung:

(i) Điều kiện sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế, nội dung trên hóa đơn xác thực;

(ii) Đăng ký, phát hành hóa đơn có mã của cơ quan thuế gồm: đăng ký sử dụng thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trung gian giữa cơ quan thuế và người nộp thuế (gọi là tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN); đăng ký phát hành hóa đơn xác thực; thay đổi thông tin đăng ký; ngừng sử dụng hóa đơn xác thực.

(iii) Quy trình cập mã của cơ quan thuế theo mô hình tập trung /theo mô hình phân tán gồm các bước: lập hóa đơn và ký điện tử; gửi hóa đơn để cấp mã; cấp mã; nhận kết quả cấp mã; tra cứu thông tin hóa đơn có mã của cơ quan thuế; cung cấp thiết bị cấp mã.

(iv) Quản lý hóa đơn có mã của cơ quan thuế, trách nhiệm của doanh nghiệp bán hàng, trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

(v) Xử lý sự cố trong quá trình sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế.

4. Nhóm vấn đề quy định về sử dụng hóa đơn điện tử do doanh nghiệp phát hành gồm ba (03) nội dung:

(i) Điều kiện sử dụng, nội dung trên hóa đơn điện tử do doanh nghiệp phát hành.

(ii) Lập, phát hành hóa đơn điện tử, phương thức truyền hóa đơn điện tử.

(iii) Lưu, hủy hóa đơn điện tử.

5. Nhóm vấn đề quy định về cơ sở pháp lý đối với tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trung gian giữa cơ quan thuế và người nộp thuế (gọi là tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) và giá cung cấp dịch vụ hoá đơn điện tử với mục tiêu (xã hội hóa) tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN sẽ cung cấp dịch vụ cho khoảng 90% người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử, gồm ba (03) nội dung:

(i) Điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

(ii) Lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

(iii) Quy định về giá dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

(Quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN)

6. Nhóm vấn đề quy định về việc sử dụng hóa đơn giấy theo hình thức đặt in/tự in gồm bốn (04) nội dung:

(i) Điều kiện sử dụng hóa đơn tự in, trong đó rút ngắn thời gian đăng ký sử dụng hóa đơn tự in từ 05 ngày xuống 2 ngày làm việc;

(ii) Sử dụng hóa đơn đặt in trong đó rút ngắn thời gian đăng ký sử dụng hóa đơn đặt in từ 05 ngày xuống 2 ngày làm việc;

(iii) In hóa đơn đặt in;

(iv) Cấp, bán hóa đơn do Cục Thuế đặt in, tự in.

7. Nhóm vấn đề quy định về quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng hóa đơn gồm năm (05) nội dung:

(i) Quyền lợi, trách nhiệm của người bán hàng hóa, dịch vụ.

(ii) Quyền lợi và trách nhiệm của người mua hàng hóa, dịch vụ.

(iii) Điều kiện của tổ chức nhận in hóa đơn, tổ chức cung ứng phần mềm tự in hóa đơn.

(iv) Trách nhiệm của cơ quan thuế trong hỗ trợ (khoảng 10% doanh nghiệp, doanh nghiệp mới chuyển lên từ hộ kinh doanh có kê khai) về phần mềm và trong việc quản lý hóa đơn.

(v) Quy định rõ nội dung: Hóa đơn điện có giá trị sử dụng trong việc thực hiện các thủ tục về thuế, chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường, để đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu, để kê khai thanh toán vốn ngân sách. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan sử dụng Hóa đơn điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu cung cấp Hóa đơn giấy (tương tự như quy định Tờ khai hải quan điện tử).[7]

8. Nhóm vấn đề về xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn: Người bán hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm truyền dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Cơ quan thuế có trách nhiệm xây dựng CSDL về hóa đơn phục vụ công tác quản lý thuế theo thông lệ quốc tế, gồm năm (05) nội dung:

(i) Khái niệm về cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

(ii) Nguyên tắc xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

(iii) Nguồn thông tin hình thành cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

(iv) Mục đích của việc sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

(v) Trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

9. Nhóm vấn đề tạo thuận lợi cho Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, khuyến khích sử dụng hóa đơn điện từ gồm ba (03) nội dung như sau:

(i) Được hoàn thuế trước kiểm tra sau.

(ii) Không thuộc đối tượng rủi ro khi thanh tra, kiểm tra.

(iii) Không phải báo cáo về tình hình sử dụng hóa đơn

V. Kinh nghiệm quốc tế

Kinh nghiệm quốc tế về áp dụng hoá đơn điện tử cho thấy việc sử dụng hoá đơn điện tử là một tất yếu vì hoá đơn điện tử giúp giảm chi phí chung của toàn xã hội, góp phần triển khai thương mại điện tử, hoá đơn điện tử thay cho hoá đơn giấy góp phần bảo vệ môi trường. Quá trình phát triển của hoá đơn điện tử đang ngày càng được hiện đại hoá, hoàn thiện mang lại tiện ích cho người sử dụng. Có thể tóm lược các giai đoạn phát triển của hoá đơn điện tử như sau:

Giai đoạn 1: Truyền nhận hóa đơn điện tử trực tiếp từ người bán đến người mua.

---

[7] Khoản 9 Điều 25 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định: Tờ khai hải quan có giá trị sử dụng trong việc thực hiện các thủ tục về thuế...; chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan sử dụng tờ khai hải quan điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu người khai hải quan cung cấp tờ khai hải quan giấy."

Giai đoạn 2: Truyền nhận hóa đơn điện tử qua một tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Theo đó, người bán thực hiện qua tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử; Người mua chỉ phải vào một cổng thông tin duy nhất để nhận và thanh toán hóa đơn; Tiết kiệm chi phí đầu tư và vận hành cho các người bán sử dụng chung nhà cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Giai đoạn 3: Liên thông giữa hệ thống quản lý hóa đơn điện tử của người bán và người mua và giữa doanh nghiệp với cơ quan Thuế. Theo đó, Hóa đơn được gửi, nhận và truyền thẳng cho người mua đồng thời cũng gửi cho cơ quan Thuế.

Giai đoạn 4: Áp dụng rộng rãi hóa đơn điện tử và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn hóa đơn giấy cho mọi đối tượng doanh nghiệp và trong mọi lĩnh vực cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Kinh nghiệm một số nước triển khai hóa đơn điện tử:

1. Hàn Quốc:

Hàn Quốc có khoảng 500 nghìn doanh nghiệp (tương đương với Việt Nam) và 2,5 triệu hộ kinh doanh. Từ năm 2008, Hàn Quốc bắt đầu nghiên cứu về cơ chế chính sách cũng như mô hình triển khai Hóa đơn điện tử và sau 02 năm Hàn Quốc bắt đầu áp dụng triển khai hóa đơn điện tử và theo lộ trình như sau:

- Năm 2010: Hàn Quốc bắt đầu triển khai hệ thống e-Invoice đã có khoảng 70% các doanh nghiệp tự nguyện tham gia.

- Năm 2011: các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân bắt buộc phải tham gia.

- Năm 2012: Cá nhân kinh doanh có doanh thu lớn hơn 20 tỷ VND (1 tỷ won) một năm bắt buộc phải phát hành hóa đơn thuế điện tử.

- Đến năm 2014: Mở rộng việc bắt buộc phát hành hóa đơn thuế điện tử tới cá nhân có doanh thu lớn hơn 5,7 tỷ VND (300 triệu won).

Việc chuyển đổi từ hóa đơn giấy sang hóa đơn thuế điện tử giúp Hàn Quốc tiết kiệm được 6.700 tỷ won (134 nghìn tỷ VNĐ) kể từ thời điểm triển khai cho đến nay.

Hoá đơn thuế điện tử được lập và phải chuyển cho cơ quan thuế qua một trong 4 hình thức:

+ Qua trang Hometax: đây là trang web do cơ quan Thuế cung cấp, chủ yếu áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ với số lượng hoá đơn được lập không nhiều. Áp dụng phương thức này, hoá đơn thuế điện tử được gửi đi ngay tức thì và miễn phí.

+ Qua ASP (nhà cung cấp dịch vụ trung gian): Áp dụng chủ yếu đối với các doanh nghiệp lớn phát sinh số lượng hoá đơn lớn, người nộp thuế phải trả phí sử dụng.

+ Qua ERP: phần mềm kế toán của doanh nghiệp, áp dụng đối với các doanh nghiệp lớn có hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp hiện đại.

+ Qua ARS (điện thoại cố định, sử dụng thẻ bảo mật do Cơ quan thuế cung cấp): NNT gọi điện thoại và sử dụng thẻ bảo mật do cơ quan Thuế cung cấp để phát hành hoá đơn điện tử, áp dụng trong môi trường hạn chế về Internet.

- Cơ quan Thuế quy định 1 mẫu hóa đơn thuế điện tử áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp, trong đó bao gồm các nội dung bắt buộc: Số đăng ký kinh doanh, tên doanh nghiệp bán; số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mua hàng; giá trị hàng hóa cung cấp; số thuế VAT, ngày lập hóa đơn. Ngoài ra, trên hoá đơn thuế điện tử có thể bao gồm các nội dung không bắt buộc (tự chọn) gồm: Địa chỉ người bán; tên, địa chỉ người mua, loại hình kinh doanh, tên hàng hóa dịch vụ, đơn giá, số lượng...

- Người bán phải thực hiện ký điện tử trên hóa đơn trước khi gửi cho cơ quan thuế hoặc nhà cung cấp ASP để nhận số hóa đơn. Với những người bán không có chữ ký điện tử, cơ quan thuế sẽ cấp miễn phí thẻ bảo mật. Người bán dùng thẻ bảo mật để thay cho chữ ký số. Người mua không phải ký điện tử trên hóa đơn. Hóa đơn sau khi lập được chuyển trực tiếp cho cơ quan thuế hoặc chuyển qua các nhà cung cấp dịch vụ ASP để nhận số hóa đơn. Nhà cung cấp dịch vụ ASP được cơ quan thuế ủy quyền để cấp số hóa đơn.

- Cơ quan thuế là đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hóa đơn của doanh nghiệp và là đơn vị cung cấp thông tin cho các cơ quan QLNN khác. Người bán, người mua đăng nhập vào trang HomeTax của cơ quan thuế để tra cứu hóa đơn thuế điện tử đầu vào và hóa đơn thuế điện tử đầu ra trên trang HomeTax và tổng hợp số liệu trên bảng kê hàng hóa bán ra, mua vào của tờ khai Giá trị gia tăng.

2. Mexico:

Mexico cũng là một quốc gia áp dụng rộng rãi Hóa đơn điện tử.

Năm 2010, mô hình xuất Hóa đơn Điện tử qua Internet (CFDI) được công bố.

Năm 2011: Các công ty có doanh thu lớn hơn 4 triệu peso phải áp dụng CFDI.

Ngày 1/1/ 2014, Mexico triển khai bắt buộc áp dụng CFDI với các công ty có doanh thu từ 250,000 peso trở lên, cho việc phát hành tiền lương hoặc chứng từ

lương. Tuy nhiên, bắt buộc này được mở rộng thêm 3 tháng (cho đến 31/03), quyết định này đã ảnh hưởng đến khoảng 500,000 người nộp thuế.

3. Đài Loan:

Đài Loan thực hiện chế độ hóa đơn thống nhất từ hóa đơn giấy từ năm 1951 qua các mốc thời gian như sau: sử dụng hóa đơn lập bằng tay loại 3 liên (năm 1955), sử dụng hóa đơn lập trên máy tính (năm 1980), chấp nhận hóa đơn bán lẻ trên máy tính tiền (năm 1984), chấp nhận hóa đơn tự in (năm 1993). Năm 2006, Đài Loan chính thức áp dụng hóa đơn điện tử rộng rãi.

4. Vương quốc Anh:

Tại Anh, Hóa đơn điện tử được áp dụng rộng rãi tại các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Doanh nghiệp lớn được khuyến khích còn đối với doanh nghiệp nhỏ phải đáp ứng các điều kiện như quy mô doanh nghiệp; tình trạng nhập khẩu và xuất khẩu hàng hóa;....

Việc áp dụng hóa đơn điện tử tại Anh thường tập trung vào các nhóm sau:

- Các doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ phát hành hóa đơn điện tử nhiều hơn các doanh nghiệp không có hoạt động quốc tế (43% so với 27,5%) và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu sử dụng hóa đơn điện tử nhiều hơn (48,5% so với 27,5%).

- Doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến dễ phát hành hóa đơn điện tử hơn do có trang web riêng.

- Các doanh nghiệp kinh doanh thương mại có tỷ lệ áp dụng hóa đơn điện tử lớn hơn cả, trong khi các lĩnh vực về khách sạn, y tế và công tác xã hội cung như bán lẻ, khoảng từ 15% đến 16% các doanh nghiệp vừa và nhỏ được ghi nhận sử dụng hóa đơn điện tử. Các doanh nghiệp có doanh số bán hàng hóa cao hơn như lĩnh vực sản xuất, xây dựng, giao thông vận tải và viễn thông được ghi nhận từ 27% đến 31% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử. Ngành kinh doanh dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử với tỷ lệ cao nhất là 42%.

Qua thông lệ quốc tế và kinh nghiệm của các nước về triển khai hóa đơn điện tử thì có thể thấy rằng xu hướng chung trên thế giới là áp dụng hoá đơn điện tử thay dần áp dụng hóa đơn giấy. Và mỗi một quốc gia căn cứ vào chính sách quản lý nhà nước, mục tiêu quản lý, hạ tầng công nghệ thông tin và tập quán của mỗi quốc gia đều có phương pháp và cách thức triển khai nhưng hầu hết các nước đều có lộ trình triển khai hóa đơn điện tử và đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử. Có thể có một số quốc gia quy định hoá đơn điện tử phải gửi cơ quan thuế để cơ quan thuế tập trung được thông tin giao dịch nhằm tăng cường quản lý, tránh thất thu thuế, trong đó một số ít quốc gia yêu cầu gửi hoá đơn điện tử cho cơ quan thuế để cấp mã của cơ quan Thuế.

Qua nghiên cứu các nước cho thấy, việc áp dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) có 3 xu hướng chính:

(1) HĐĐT được lập, phát hành theo hệ thống tự thiết lập hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ điện tử trung gian giữa người bàn và người mua mà không có sự tham gia của cơ quan thuế.

(2) HĐĐT được lập, phát hành giữa người mua và người bán và có chuyển toàn bộ dữ liệu hoặc một phần dữ liệu của HĐĐT đến cơ quan thuế, có sự tham gia cung cấp giải pháp hỗ trợ của tổ chức cung cấp dịch vụ điện tử trung gian hoặc cơ quan thuế.

(3) HĐĐT được lập, phát hành giữa người bán và người mua và có chuyển toàn bộ dữ liệu hoặc một phần dữ liệu của HĐĐT đến cơ quan thuế để được cấp mã của cơ quan Thuế, thường có sự tham gia cung cấp giải pháp hỗ trợ của tổ chức cung cấp dịch vụ điện tử trung gian hoặc/và cơ quan thuế.

VI. Thời gian dự kiến đề nghị Chính phủ xem xét, thông qua:

Để kịp lộ trình thực hiện hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc theo Nghị quyết 36a về Chính phủ điện tử, để đảm bảo Nghị định thay thế có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, trình Chính phủ xem xét ban hành vào Tháng 10/2017.

VII. Giải pháp để thực hiện chính sách:

1. Về phía cơ quan thuế:

Bộ Tài chính sẽ:

- Có quy trình phân công trách nhiệm các đơn vị trong cơ quan Thuế về việc quản lý và phân tích dữ liệu hóa đơn điện tử và hóa đơn điện tử có mã của cơ quan Thuế

- Ban hành các quy định cấp phép tổ chức trung gian, các quy định kỹ thuật phục vụ kết nối đến hệ thống của cơ quan Thuế.

- Xây dựng hạ tầng để tiếp nhận dữ liệu.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng để tuyên truyền rộng rãi về lợi ích của việc sử dụng hóa đơn điện tử để cộng đồng doanh nghiệp và người dân hiểu để áp dụng.

2. Về phía người nộp thuế:

- Cần có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin như máy tính, chữ ký số, nối mạng internet.

- Hiểu rõ bản chất, lợi ích của hóa đơn điện tử và hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế để sử dụng.

3. Về phía cơ quan khác của nhà nước:

- Chấp nhận hóa đơn điện tử của doanh nghiệp và cần có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ việc kiểm tra hóa đơn để không yêu cầu doanh nghiệp phải in ra hóa đơn giấy.

VIII. Đánh giá tác động của chính sách

1. Việc sửa đổi chính sách bằng quy định sử dụng bắt buộc hóa đơn điện tử thay cho hóa đơn giấy mang lại nhiều ích cho doanh nghiệp, cơ quan thuế và toàn xã hội

a) Đối với doanh nghiệp

- Sử dụng hóa đơn điện tử giúp doanh nghiệp giảm chi phí hơn so với sử dụng hóa đơn giấy (giảm chi phí giấy in, chi phí mực in, chi phí chuyển hóa đơn, giảm chi phí lưu trữ hóa đơn, không cần không gian lưu trữ hóa đơn...)

- Giúp doanh nghiệp giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính Thuế:

Khi doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử thì cơ bản các thủ tục hành chính thuế của doanh nghiệp cũng được thực hiện điện tử và doanh nghiệp không phải đăng ký mẫu hóa đơn điện tử, không phải gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn đến cơ quan thuế. Việc sử dụng hóa đơn điện tử giúp doanh nghiệp giảm bớt thời gian lập Tờ khai thuế GTGT so với sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in vì phần mềm tạo hóa đơn tự động kết chuyển số liệu vào Tờ khai thuế GTGT.

- Khắc phục tình trạng làm mất, hỏng, cháy hóa đơn:

Việc sử dụng hóa đơn giấy có rủi ro mất, hỏng, cháy do nhiều nguyên nhân khác nhau. Tuy nhiên việc sử dụng hóa đơn điện tử sẽ khắc phục được tình trạng này do hệ thống lưu trữ hóa đơn điện tử được sao lưu và thường xuyên cập nhật nên khả năng mất hoàn toàn dữ liệu hóa đơn là khó xảy ra.

- Đối với người mua:

Sử dụng hóa đơn điện tử tạo sự yên tâm cho người mua: sau khi nhận hóa đơn điện tử, người mua có thể kiểm tra ngay trên hệ thống của cơ quan Thuế để biết chính xác thông tin của hóa đơn người bán khai báo với cơ quan Thuế và thông tin người bán cung cấp cho người mua. Bên cạnh đó người mua sẽ hạn chế bị sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp bỏ trốn mất tích do hệ thống cơ quan Thuế ngừng không cho doanh nghiệp bỏ trốn được xuất hóa đơn.

b) Đối với cơ quan thuế và cơ quan khác của nhà nước trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình

- Sử dụng hóa đơn điện tử giúp ngành thuế xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn:

Khi toàn bộ doanh nghiệp triển khai hóa đơn điện tử thì ngành thuế sẽ có hệ thống cơ sở dữ liệu về hóa đơn từ đó có thể phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, hoàn thuế, phân tích rủi ro, phục vụ công tác xây dựng cơ quan thuế điện tử. Bên cạnh đó có thể giúp cơ quan hải quan tại các cửa khẩu, sân bay nhanh chóng có thông tin để thực hiện hoàn thuế.

- Cơ quan thuế và các cơ quan khác của nhà nước không tốn chi phí thời gian đối chiếu hóa đơn như hiện nay

Khi doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thông tin về hóa đơn của doanh nghiệp được tập trung tại cơ quan Thuế một cách liên tục nên cơ quan Thuế có ngay thông tin về doanh thu, chi phí hàng ngày của doanh nghiệp, kịp thời phát hiện ra những bất thường khi doanh nghiệp xuất hóa đơn. Cơ quan thuế, cơ quan khác của nhà nước không cần phải thực hiện xác minh hóa đơn như hiện nay.

- Kịp thời ngăn chặn hóa đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích:

Khi cán bộ thuế nhập thông tin về doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích, hệ thống sẽ tự động dừng không cho phép doanh nghiệp được xuất hóa đơn. Đồng thời dễ dàng áp dụng xuất từng hóa đơn riêng lẻ cho cá nhân kinh doanh, cho các doanh nghiệp bị cưỡng chế về nợ.

c) Đối với xã hội

- Sử dụng hóa đơn điện tử khắc phục được trình trạng gian lận sử dụng bất hợp pháp hóa đơn - lập hóa đơn sai lệch nội dung giữa các liên

Việc sử dụng hóa đơn điện tử sẽ khắc phục tình trạng này vì hóa đơn điện tử là thông điệp dữ liệu điện tử, khi hóa đơn điện tử được lập và ký số và gửi đi thì nội dung thông điệp điện tử của người bán và người mua sẽ là như nhau và không có khả năng chỉnh sửa nên sẽ không có gian lận như việc sử dụng hóa đơn giấy nêu trên.

- Khắc phục tình trạng làm giả hóa đơn:

Hóa đơn điện tử và hóa đơn điện tử có mã xác thực có tính bảo mật cao vì sử dụng chữ ký số của người bán nên khả năng làm giả hóa đơn là khó, vì vậy việc sử

dụng hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn giấy (hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in) sẽ khắc phục được tình trạng làm giả hóa đơn do đó giảm khả năng sử dụng hóa đơn để gian lận.

- Tạo một môi trường kinh doanh lành mạnh cho các doanh nghiệp.

- Giúp việc triển khai thương mại điện tử được hoàn thiện hơn từ việc đặt hàng trên mạng, giao hóa đơn điện tử qua mạng, thanh toán qua mạng.

- Hóa đơn điện tử góp phần làm giảm bớt việc sử dụng giấy nên sẽ góp phần bảo vệ môi trường.

2. Tác động của thủ tục hành chính và sửa đổi quy định khác

Nghị định mới thay thế Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP không tạo thêm thủ tục hành chính mới mà sửa lại một số thủ tục hiện hành theo hướng: (i) rút ngắn thời gian đăng ký sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in với cơ quan thuế trực tiếp từ 05 ngày xuống còn 02 ngày làm việc góp phần giảm thủ tục hành chính và tạo điều kiện để người nộp thuế được sử dụng ngay hóa đơn; (ii) hướng dẫn rõ những thủ tục nào chỉ áp dụng đối với hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in, không áp dụng đối với hóa đơn giấy.

3. So sánh chi phí vật chất sử dụng hóa đơn điện tử và hóa đơn giấy (hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in)

Theo số liệu khảo sát, chi phí cao nhất mà doanh nghiệp sử dụng hóa đơn tự in là khoảng 2.500đ/1 tờ hóa đơn (tương đương 125.000 đ/1 quyển 50 số); chi phí cao nhất đặt in hóa đơn là 2.000đ/1 tờ hóa đơn (tương đương 100.000đ/1 quyển 50 số hóa đơn).

Chi phí cơ quan thuế đặt in là 352đ/1hóa đơn, (tương đương 7.600đ/50 số hóa đơn), theo đó cơ quan thuế bán cho doanh nghiệp rủi ro phải mua hóa đơn, tổ chức, hộ kinh doanh với giá 400đ/hóa đơn.

Kết quả đánh giá của các doanh nghiệp về sử dụng hóa đơn điện tử:

(i) Tập đoàn Điện lực Việt Nam: theo thống kê EVN số lượng HĐĐT trung bình là 23,6 triệu hóa đơn/tháng (tương đương khoảng 283 triệu hóa đơn/năm). Chi phí hóa đơn tự in (chưa tính phần quản lý, lưu kho) khoảng 420 đồng/hóa đơn; chi phí HDĐT (đã tính chi phí quản lý, lưu trữ) chỉ khoảng 292 đồng/hóa đơn.

Như vậy, sử dụng hóa đơn điện tử tiết kiệm được gần 130 đồng/hóa đơn so với hóa đơn giấy và giúp EVN tiết kiệm được chi phí hơn 3 tỷ đồng/tháng (khoảng 36 tỷ đồng/năm).

(ii) Tập đoàn bưu chính Viễn thông Việt Nam: theo báo cáo của VNPT, số lượng hóa đơn điện tử phát hành khoảng 6 triệu hóa đơn/tháng (khoảng 70 triệu hóa đơn/năm). Chi phí tiết kiệm được khoảng 8 tỷ đồng/năm.

(iii) Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel: bắt đầu triển khai chính thức HDĐT trên toàn quốc trong Qúy 1/2016, đã sử dụng 30 triệu HDDT.

Theo ước tính của Viettel thì chi phí sử dụng HĐĐT giảm 100đồng/hóa đơn. Như vậy với số lượng phát hành khoảng 5 triệu hóa đơn/tháng (tương đương 60 triệu hóa đơn/năm) thì chi phí sử dụng HĐĐT sẽ tiết kiệm được khoảng 500 triệu đồng/tháng (tương đương khoảng 6 tỷ/năm).

Tính đến hết năm 2016, cả nước có 656 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử (năm 2015 là 331 doanh nghiệp) với số lượng HĐĐT đã sử dụng khoảng 278 triệu hóa đơn.

IX. Ý kiến các tổ chức, cá nhân

Bộ Tài chính đã có văn bản...../BTC-TCT ngày...../4/2017 gửi lấy ý kiến các Bộ, UBND các tỉnh, cộng đồng các doanh nghiệp (thông qua các Hiệp hội: ...., Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam), các hộ kinh doanh.....

Đến nay Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến của ....., Bộ Tài chính xin báo cáo như sau:

....

X. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Ngày ...../5/2017 Bộ Tài chính đã có văn bản số..../BTC-TCT gửi Bộ Tư pháp (cùng toàn bộ các hồ sơ liên quan) để đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định.

Ngày ...../..../2017 Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

.....

Trên đây là toàn bộ nội dung trình về Đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ hướng dẫn về bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét và phê duyệt Đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ ./.

Tài liệu xin trình kèm: 1) Báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị định 51, Nghị định 04; 2) Báo cáo tổng kết Đề án thí điểm áp dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã xác thực; 3) Kinh nghiệm quốc tế về việc áp dụng hóa đơn điện tử và bài học với Việt Nam; 4) Báo cáo đánh giá tác động; 5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp các ý kiến góp ý; 6) Đề cương dự thảo Nghị định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư Pháp;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, TCT (VT, PC, CS (2b)).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

dự thảo

BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 51/2010/NĐ-CP, NGHỊ ĐINH 04/2014/NĐ-CP

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định về hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính và để hướng dẫn Luật số 31/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26/11/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015, trong đó có nội dung hướng dẫn người nộp thuế thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế thì lập hóa đơn điện tử và gửi thông tin trên hóa đơn bằng phương thức điện tử cho cơ quan thuế để nhận mã xác thực hóa đơn từ cơ quan thuế.

Triển khai thực hiện các Nghị định nêu trên, Bộ Tài chính đã ban hành 03 (ba) Thông tư hướng dẫn gồm: *(1)* Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 quy định chung về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (Thông tư số 39/2014/TT-BTC thay thế các Thông tư: Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010; Thông tư số 13/2011/TT-BTC ngày 8/2/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 153/2010/TT-BTC; Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15/5/2013); *(2)* Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 hướng dẫn về khởi tạo, phát hành, và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; *(3)* Thông tư số 191/2010/TT-BTC ngày 1/12/2010 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hoá đơn vận tải hành khách bằng xe ôtô.

Đồng thời để triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính, triển khai Chính phủ điện tử theo Nghị Quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, mở rộng việc điện tử hóa các thủ tục hành chính và thực hiện Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/06/2015 về việc thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế; Quyết định số 2660/QĐ-BTC ngày 14/12/2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 1209/QĐ-BCT ngày 23/06/2015.

1. Những kết quả đạt được thực hiện Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP

a) Kết quả chung

Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP đã thay đổi phương thức quản lý hóa đơn phù hợp với công tác quản lý thuế tại thời điểm năm 2010, góp phần quản lý rủi ro và phù hợp với thông lệ quốc tế, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Nghị định 51/2010/NĐ-CP đã chuyển đổi phương thức phát hành, quản lý hóa đơn của doanh nghiệp từ cơ chế "mua hóa đơn của cơ quan thuế" sang cơ chế "doanh nghiệp tự đặt in, tự in hóa đơn" để sử dụng và chuyển đổi phương thức quản lý hóa đơn của cơ quan thuế bằng việc phân quyền cho Cục Thuế các địa phương (Cục Thuế) được đặt in hóa đơn bán cho các tổ chức, cá nhân không phải là doanh nghiệp nhưng có hoạt động kinh doanh. Quy định tại Nghị định 51/2010/NĐ-CP đã tạo ra sự đổi mới trong việc trao quyền tự chủ về hóa đơn cho các doanh nghiệp, góp phần cải các thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm của cơ quan thuế địa phương trong công tác quản lý hóa đơn. [1]

Thứ hai, Nghị định 51/2010/NĐ-CP với nội dung cơ bản là phát hành, sử dụng hóa đơn giấy nhưng đã có quy định về hóa đơn điện tử. Việc bổ sung hình thức hóa đơn điện tử có ý nghĩa quan trọng tạo cơ sở pháp lý để các doanh nghiệp hiện đại hóa công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại.

Thứ ba, Nghị định 04/2014/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 51/2010/NĐ-CP đã bổ sung các quy định: doanh nghiệp rủi ro[2] phải mua hóa đơn của cơ quan thuế để sử dụng trong thời gian 12 tháng; hộ kinh doanh không được đặt in, không được tự in hóa đơn; đối với doanh nghiệp mới thành lập khi tự in hóa đơn lần đầu, đặt in hóa đơn lần đầu phải thông báo với cơ quan thuế; quy định rõ hơn về điều kiện và trách nhiệm của tổ chức nhận in hóa đơn. Các quy định bổ sung này đã hạn chế được một phần tình trạng hộ kinh doanh, doanh nghiệp đặt in, tự in hóa đơn để xuất hóa đơn khống, mua bán lòng vòng, sử dụng bất hợp pháp, gây thất thu ngân sách nhà nước, gian lận thương mại, ảnh hưởng đến nền kinh tế.

Thứ tư, việc ban hành Nghị định 51/2010/NĐ-CP đã góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hóa đơn, như: quy chuẩn hóa các quy trình quản lý, thanh tra, kiểm tra hóa đơn trong nội bộ cơ quan thuế, xây dựng phần mềm cập nhật các thông tin hóa đơn đã phát hành và hóa đơn không

---

[1] Trước năm 2011, theo Nghị định 89/2002/NĐ-CP thì: (i) các doanh nghiệp mới thành lập phải mua hóa đơn của cơ quan thuế, sau một thời gian hoạt động cơ quan thuế kiểm tra đáp ứng các điều kiện nhất định mới được tự in (đặt in hóa đơn để sử dụng); (ii) Tổng cục Thuế tập trung đặt in hóa đơn để chuyển các Cục thuế bán cho các doanh nghiệp.

[2] Bộ tiêu chí và chỉ số phân tích thông tin đánh giá NNT có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, tin, phát hành và sử dụng hóa đơn ban hành kèm theo Quyết định 253/QĐ-BTC ngày 20/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

còn giá trị sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ cơ quan thuế trong việc tra cứu hóa đơn của các doanh nghiệp đã phát hành hóa đơn và hóa đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn.

Thứ năm, các hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn được quy định cụ thể, tình tiết rõ ràng, khung phạt hợp lý, phù hợp thực tiễn, có biện pháp khắc phục hậu quả tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan thuế trong việc xử lý các hành vi vi phạm, người nộp thuế cũng có ý thức và trách nhiệm hơn trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn tại đơn vị mình và khắc phục được các lỗi hay vi phạm.[3]

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế và quy định về hóa đơn được chuẩn hóa thì số lượng hóa đơn do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh ngày càng tăng qua các năm.

Cụ thể:

Số lượng tổ chức, cá nhân sử dụng các loại hóa đơn qua các năm như sau:

(i) Đối với doanh nghiệp

Năm	Số lượng doanh nghiệp								
	Mua hóa đơn của cơ quan thuế	***Tỷ lệ (%)***	**Đặt in hóa đơn**	***Tỷ lệ (%)***	**Tự in hóa đơn**	***Tỷ lệ (%)***	**Sử dụng HĐĐT**	***Tỷ lệ (%)***	**TỔNG**
2011	158.358	*36,588*	260.226	*60,124*	14.199	*3,281*	'30	*0,007*	**432,813**
2012	61.100	*13,714*	372.340	*83,575*	12.037	*2,702*	36	*0,008*	**49,918**
2013	15.974	*3,663*	408.768	*93,737*	11.320	*2,592*	35	*0,008*	**425,909**
2014	28.336	*5,886*	441.985	*91,804*	10.996	*2,284*	125	*0,026*	**481,442**
2015	30.677	*6,159*	457.442	*91,841*	9.633	*1,934*	331	*0,066*	**498,083**
2016	38.641	*7,002*	503.024	*91,157*	9.502	*1,722*	656	*0,119*	**551,823**

[3] Trước ngày 09/11/2013, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lịch vực hóa đơn được quy định tại Nghị định 51/2010/NĐ-CP. Từ ngày 9/11/2013 quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực hóa đơn được quy định tại Chương V Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực giá, phí lệ phí và hóa đơn.

Năm	Số lượng hóa đơn sử dụng								
	Số lượng HĐ mua của CQT	*Tỷ lệ (%)*	Số lượng HĐ đặt in	*Tỷ lệ (%)*	Số lượng hóa đơn tự in	*Tỷ lệ (%)*	Số lượng hóa đơn điện tử	*Tỷ lệ (%)*	TỔNG
2011	29.047.066	*0.467*	587.471.637	*9.441*	5.605.917.031	*90.092*	9.014	*0.0001*	**432,813**
2012	27.301.663	*0.513*	901.040.173	*16.939*	4.390.827.853	*82.546*	158.141	*0.003*	**49,918**
2013	28.467.323	*0.939*	759.888.169	*25.075*	2.241.682.457	*73.972*	420.775	*0.014*	**425,909**
2014	25.508.011	*1.465*	962.840.411	*55.305*	648.230.140	*37.234*	104.382.615	*5.996*	**481,442**
2015	22.811.566	*0.966*	1.049.986.826	*44.447*	1.086.457.645	*45.991*	203.055.537	*8.596*	**498,083**
2016	16.938.360	*0.500*	974.278.049	*28.777*	2.116.453.583	*62.513*	277.977.559	*8.211*	**551,823**

(ii) Đối với hộ kinh doanh

Năm	Số lượng hộ kinh doanh mua hóa đơn của cơ quan thuế	Số lượng hóa đơn mua
2011	80.432	14.952.429
2012	157.559	28.896.833
2013	311.460	56.871.498
2014	619.248	113.058.159
2015	1.238.496	226.116.318
2016	135.417	26.496.240

Số liệu trên cho thấy: Số lượng doanh nghiệp sử dụng hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in mang tính ổn định qua các năm tuy nhiên số lượng doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử tăng dần qua các năm, cụ thể: năm 2011 mới chỉ có 30 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử thì đến năm 2015 con số này đã là 331 và năm 2016 là 656 doanh nghiệp. Theo đó số lượng hóa đơn điện tử doanh nghiệp sử dụng cũng tăng qua các năm, nếu năm 2011 số lượng hóa đơn điện tử sử dụng mới chỉ là 9.014 hóa đơn thì năm 2016 đã tăng lên hơn 277 triệu hóa đơn.

2. Báo cáo kết quả triển khai thí điểm áp dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

2.1. Về triển khai áp dụng hóa đơn điện tử do doanh nghiệp tự phát hành

Thực hiện nguyên tắc quy định về hóa đơn điện tử tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ[4], Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 hướng dẫn về khởi tạo, phát hành, và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Hóa đơn điện tử theo quy định tại Thông tư số 32/2011/TT-BTC là hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp đủ điều kiện tự phát hành và gửi đến người mua.

Từ năm 2014, Bộ Tài chính đã khuyến khích một số doanh nghiệp sử dụng nhiều hóa đơn giấy, đã có hạ tầng công nghệ thông tin, tuân thủ pháp luật thuế để áp dụng hóa đơn điện tử như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (VNA) và Công ty Vận tải đường sắt Sài Gòn Hà Nội (tình hình sử dụng hóa đơn điện tử của các doanh nghiệp này được nêu tại Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP kèm theo).

Việc sử dụng hoá đơn điện tử mang lại nhiều lợi ích, đến nay trên phạm vi cả nước đã có 656 doanh nghiệp thực hiện hoá đơn điện tử với số lượng hóa đơn điện tử đã sử dụng khoảng 277,98 triệu hoá đơn. Cơ bản các tỉnh, thành trên cả nước đều đã có doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở hai thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh và là các doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, có hạ tầng công nghệ thông tin phát triển, ít rủi ro.

Đánh giá kết quả sử dụng hóa đơn điện tử:

Việc áp dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp nêu trên được đánh giá là mang lại kết quả tốt, được khách hàng chấp thuận, mang lại hiệu quả thiết

---

[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Hóa đơn điện tử là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về bán hàng hóa, dịch vụ, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành

Tại Điều 7 Nghị định 51/2010/NĐ-CP quy định: "1. Hóa đơn điện tử được khởi tạo, lập, xử lý trên hệ thống máy tính của tổ chức, cá nhân kinh doanh đã được cấp mã số thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ và được lưu trữ trên máy tính của các Bên theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hóa đơn điện tử được sử dụng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử."

thực về thời gian và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp; qua đó, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kinh doanh, hạch toán kế toán nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Về phía khách hàng: thói quen sử dụng hóa đơn giấy của khách hàng đã dần thay đổi, khách hàng đã hợp tác hơn với doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử. Việc sử dụng hóa đơn điện tử đã giúp khách hàng thuận tiện trọng thanh toán, khách hàng có thể truy cập vào Website của bên bán để xem và tải hóa đơn khi cần do đó khách hàng không phải lưu trữ, bảo quản hóa đơn, tránh rủi ro mất hóa đơn và tiết kiệm được chi phí do không phải in ra giấy.

2.2. Về triển khai Hóa đơn điện tử có mã cơ quan Thuế

Trên cơ sở thông lệ quốc tế một số nước có sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, Bộ Tài chính đã nghiên cứu xây dựng hệ thống hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế. Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế có điểm khác với hóa đơn điện tử do doanh nghiệp phát hành và gửi đến người mua như nêu trên là trước khi được gửi cho người mua thì hóa đơn điện tử được truyền đến hệ thống điện tử của cơ quan thuế để được gắn mã điện tử của cơ quan thuế. Thông qua mã điện tử này, cơ quan thuế sẽ có nội dung dữ liệu của hóa đơn.

Căn cứ quy định tại khoản 12 Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý thuế, tăng cường quản lý của Nhà nước đối với hóa đơn, góp phần hạn chế tình trạng gian lận hóa đơn, nâng cao trách nhiệm người bán và giảm thiểu rủi ro cho người mua, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015 thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực với mục tiêu:

- Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn tập trung để phục vụ công tác quản lý thuế;

- Cải cách thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục về hóa đơn;

- Thí điểm về hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế để hoàn thiện chính sách về hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đồng thời hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin trước khi triển khai rộng toàn quốc;

Việc thí điểm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đã triển khai trên địa bàn TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh. Hiện nay, đã có 315 Doanh nghiệp đăng

ký với cơ quan thuế phát hành hóa đơn mã xác thực của cơ quan thuế (trong đó Hà Nội có 201 doanh nghiệp; TP Hồ Chí Minh có 114 doanh nghiệp). Tính đến hết ngày 02/12/2016, tổng số hóa đơn đã phát hành và được xác thực: 2.449.548 hóa đơn, tổng tiền doanh thu đã xác thực: 18.934 tỷ đồng và tổng số thuế đã xác thực: 880,8 tỷ đồng.

Đánh giá kết quả sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế:

Việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đem lại lợi ích cho doanh nghiệp:

- *Giảm thời gian làm thủ tục hành chính Thuế:* giúp doanh nghiệp giảm thời gian đăng ký sử dụng hóa đơn; không phải làm thủ tục đăng ký mẫu hóa đơn; rút ngắn thời gian thực hiện thông báo phát hành hóa đơn, sử dụng ngay hóa đơn khi đăng ký; không phải báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn;

- *Giảm chi phí cho doanh nghiệp:* giúp doanh nghiệp giảm chi phí giấy, mực in, vận chuyển và đặc biệt chi phí lưu trữ hóa đơn. Khi sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực, doanh nghiệp không phải lập báo cáo sử dụng hóa đơn, dữ liệu từ hóa đơn điện tử được kết nối tự động với phần mềm khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) nên doanh nghiệp không mất thời gian lập Tờ khai thuế GTGT. Do đó giảm được thời gian tuân thủ pháp luật thuế.

- *Khắc phục tình trạng làm giả hóa đơn:* Hóa đơn điện tử và hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế có tính bảo mật cao vì sử dụng chữ ký số của người bán nên khả năng làm giả hóa đơn là khó, vì vậy việc sử dụng hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn giấy (hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in) sẽ khắc phục được tình trạng làm giả hóa đơn.

Qua thời gian thí điểm, hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đã dần đi vào thực tiễn và một số doanh nghiệp tham gia thí điểm đã lựa chọn sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực để thay thế các hình thức hóa đơn trước đây. Tuy nhiên, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế chủ yếu là các doanh nghiệp tự nguyện tham gia, không có các doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp có rủi ro, doanh nghiệp thuộc đối tượng phải mua hóa đơn của cơ quan thuế. Đây là những đối tượng có ý thức chấp hành pháp luật về thuế thấp, do chưa có biện pháp chế tài bắt buộc nên các doanh nghiệp sẽ phản ứng, không muốn hợp tác với cơ quan thuế.

2. Những tồn tại, hạn chế thực hiện Nghị định 51/2010/NĐ-CP

Qua thực tế triển khai Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và qua thực tế áp dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì quy định về quản lý, sử dụng hóa đơn hiện hành còn gặp những hạn chế, bất cập như sau:

Thứ nhất: Một số đối tượng lợi dụng sự thông thoáng của Luật doanh nghiệp trong thủ tục thành lập doanh nghiệp để thành lập nhiều doanh nghiệp thực tế không kinh doanh nhưng được tự tạo hóa đơn, xuất hóa đơn khống, sử dụng hóa đơn lòng vòng để khấu trừ, hoàn thuế GTGT hoặc thanh toán tiền từ NSNN.

Thứ hai: Hóa đơn gắn với quản lý thuế GTGT tuy nhiên hiện nay với tỷ lệ 91,8% là hóa đơn giấy, 8,2% là hóa đơn điện tử nhưng không có quy định bắt buộc doanh nghiệp chuyển dữ liệu hóa đơn về cơ quan thuế nên công tác quản lý thuế gặp nhiều khó khăn đặc biệt trong công tác quản lý kê khai, hoàn thuế GTGT. Để phù hợp với thông lệ quốc tế, theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 thì từ ngày 01/01/2015 người nộp thuế không phải gửi Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra cho cơ quan thuế và không có quy định chuyển dữ liệu hóa đơn nên cơ quan thuế không có thông tin về giao dịch kinh tế ghi trên hóa đơn do đó nhiều đối tượng đã lợi dụng kẽ hở này để phát hành hóa đơn nhưng không kê khai nộp thuế để trốn thuế.

Thứ ba: Quy định hiện hành về quản lý, sử dụng hóa đơn (nội dung ghi trên hóa đơn, về thủ tục phát hành, quản lý hóa đơn, trách nhiệm của tổ chức kinh tế, trách nhiệm của cơ quan thuế...) được xây dựng cơ bản để áp dụng quản lý đối với hóa đơn giấy (theo hình thức đặt in, tự in) đã có nhiều sơ hở, bất cập, theo đó phương thức quản lý hóa đơn giấy đã trở nên lạc hậu không phù hợp với bối cảnh triển khai thủ tục hành chính điện tử và không phù hợp với tinh thần Nghị Quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính Phủ điện tử là giao Bộ Tài chính "thực hiện hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc; trong đó cơ quan thuế hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện hóa đơn điện tử có xác thực của cơ quan thuế".

Thứ tư: Chưa có quy định bắt buộc về việc áp dụng hóa đơn điện tử nên mặc dù hóa đơn điện tử mang lại nhiều lợi ích kinh tế so với hóa đơn giấy (sử dụng hóa đơn điện tử làm giảm chi phí quản lý, chi phí lưu trữ, tiết kiệm thời gian, bảo vệ môi trường..., sử dụng hóa đơn giấy (theo hình thức đặt in, tự in) có nhiều bất cập là: chi phí sử dụng hóa đơn giấy cao hơn so với hóa đơn điện tử; hóa đơn giấy dễ bị làm giả; thủ tục trong quá trình sử dụng hóa đơn giấy phức tạp) nên việc áp dụng hóa đơn điện tử chưa thực sự đi sâu vào cộng đồng

doanh nghiệp, xã hội và một số cơ quan khác của nhà nước cũng chưa chấp nhận hình thức hóa đơn điện tử của doanh nghiệp.

Từ những tồn tại, bất cập nêu trên thì cần thiết xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP để thay đổi phương thức quản lý hóa đơn theo hướng áp dụng quản lý hiện đại là cần thiết trong đó quy định về việc áp dụng hóa đơn điện tử sẽ là nội dung chủ yếu.

3. Về quan điểm, mục tiêu xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP

Việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP quy định về hóa đơn với nội dung chủ yếu là hóa đơn điện tử cần đảm bảo quan điểm, mục tiêu sau:

(1) Quán triệt việc thực hiện Nghị Quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử, đảm bảo thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020. Theo đó, vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người nộp thuế và chống thất thu ngân sách, chống gian lận trong thanh toán từ ngân sách Nhà nước.

(2) Xây dựng được cơ sở pháp lý để vận hành việc áp dụng hóa đơn điện tử theo thông lệ quốc tế, tạo được cơ sở dữ liệu về hóa đơn của ngành thuế để ứng dụng quản lý thuế hiện đại, góp phần xây dựng cơ quan thuế điện tử, phục vụ việc xây dựng Chính phủ điện tử.

(3) Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật kế toán năm 2015, Luật Giao dịch điện tử, Luật Quản lý thuế, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, các Luật thuế và pháp luật có liên quan.

(4) Đảm bảo cơ sở thực tiễn phù hợp với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đồng bộ với việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt đã được quy định tại Nghị định số 101/2012/NĐ-CP, Nghị định số 80/2016/NĐ-CP và Đề án không dùng tiền mặt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016.

(5) Kế thừa và phát triển các kết quả đạt được của việc quy định và triển khai hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế thời gian qua.

4. Nội dung đề xuất sửa để khắc phục tồn tại

Nghị định sửa đổi để thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP gồm chín (09) nhóm vấn đề với 32 nội dung:

4. 1. Nhóm vấn đề quy định chung về hóa đơn:

Gồm sáu (06) nội dung:

(i) Quy định về loại, hình thức hóa đơn (trong đó hướng dẫn rõ hình thức: hóa đơn điện tử do doanh nghiệp tự tạo, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế);

(ii) Nội dung hóa đơn;

(iii) Nguyên tắc sử dụng hóa đơn;

(iv) Lập hóa đơn, các trường hợp không phải lập hóa đơn (trong đó quy định trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì người bán phải lập hóa đơn kể cả trường hợp có giá trị dưới 200.000VND); đối với hóa đơn giấy theo hình thức tự in/đặt in thì trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ dưới 200.000 VND thì không phải lập và giao hóa đơn, trừ trường hợp người mua yêu cầu).

(v) Ủy nhiệm lập hóa đơn; sử dụng hóa đơn của người mua hàng.

(vi) Quy định sử dụng hóa đơn bất hợp pháp/sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.

4. 2. Nhóm vấn đề quy định đối tượng bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và lộ trình áp dụng

Với mục tiêu đến năm 2020, cơ bản thực hiện hóa đơn điện tử với khoảng 90% số doanh nghiệp hoặc 90% lượng hàng hóa được mua bán (lưu thông) bằng hóa đơn điện tử thì lộ trình thực hiện từ năm 2018 như sau:

Từ ngày 01/01/2018 các đối tượng sau sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế cho hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

(i) Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử kể từ khi có mã số thuế và định kỳ thực hiện kết chuyển dữ liệu hóa đơn cho cơ quan thuế gồm:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập có sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp, Ngân hàng có mức vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng trở lên tính theo số vốn đã thực góp đến thời điểm thông báo phát hành hóa đơn, bao gồm cả Chi nhánh, đơn vị trực thuộc khác tỉnh, thành phố với trụ sở chính có thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT.[5]

(ii) Các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế gồm:

- Doanh nghiệp mới thành lập (không bao gồm doanh nghiệp nêu tại điểm i ở trên);

- Các doanh nghiệp, tổ chức đang mua hóa đơn của cơ quan thuế gồm: Doanh nghiệp vi phạm về quản lý, sử dụng hóa đơn; doanh nghiệp có rủi ro theo thông báo của cơ quan thuế và tổ chức, doanh nghiệp khác thuộc đối tượng mua hóa đơn của cơ quan thuế trước ngày 01/01/2018 phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Thông báo của cơ quan thuế.

(iii) Từ ngày 01/01/2019: 30% các tổ chức, doanh nghiệp còn lại.

(iv) Từ ngày 01/01/2020:

- 80% các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

- Bắt đầu triển khai Hóa đơn điện tử cho các hộ kinh doanh có doanh thu/năm từ 3 tỷ trở lên.

4. 3. Nhóm vấn đề quy định về sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế gồm năm (05) nội dung:

(i) Điều kiện sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế, nội dung trên hóa đơn xác thực;

(ii) Đăng ký, phát hành hóa đơn có mã của cơ quan thuế gồm: đăng ký sử dụng thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu hóa đơn điện tử

---

[5] Đây là các đối tượng được tạo hóa đơn tự in kể từ khi có mã số thuế theo quy định tại Nghị định 51, Nghị định 04.

trung gian giữa cơ quan thuế và người nộp thuế (gọi là tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN); đăng ký phát hành hóa đơn xác thực; thay đổi thông tin đăng ký; ngừng sử dụng hóa đơn xác thực.

(iii) Quy trình cập mã của cơ quan thuế theo mô hình tập trung /theo mô hình phân tán gồm các bước: lập hóa đơn và ký điện tử; gửi hóa đơn để cấp mã; cấp mã; nhận kết quả cấp mã; tra cứu thông tin hóa đơn có mã của cơ quan thuế; cung cấp thiết bị cấp mã.

(iv) Quản lý hóa đơn có mã của cơ quan thuế, trách nhiệm của doanh nghiệp bán hàng, trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

(v) Xử lý sự cố trong quá trình sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế.

4.4. Nhóm vấn đề quy định về sử dụng hóa đơn điện tử do doanh nghiệp phát hành gồm ba (03) nội dung:

(i) Điều kiện sử dụng, nội dung trên hóa đơn điện tử do doanh nghiệp phát hành.

(ii) Lập, phát hành hóa đơn điện tử, phương thức truyền hóa đơn điện tử.

(iii) Lưu, hủy hóa đơn điện tử.

4.5. Nhóm vấn đề quy định về cơ sở pháp lý đối với tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trung gian giữa cơ quan thuế và người nộp thuế (gọi là tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) và giá cung cấp dịch vụ hoá đơn điện tử với mục tiêu (xã hội hóa) tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN sẽ cung cấp dịch vụ cho khoảng 90% người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử, gồm ba (03) nội dung:

(i) Điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

(ii) Lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

(iii) Quy định về giá dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

(Quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN)

4.6. Nhóm vấn đề quy định về việc sử dụng hóa đơn giấy theo hình thức đặt in/tự in gồm bốn (04) nội dung:

(i) Điều kiện sử dụng hóa đơn tự in, trong đó rút ngắn thời gian đăng ký sử dụng hóa đơn tự in từ 05 ngày xuống 2 ngày làm việc;

(ii) Sử dụng hóa đơn đặt in trong đó rút ngắn thời gian đăng ký sử dụng hóa đơn đặt in từ 05 ngày xuống 2 ngày làm việc;

(iii) In hóa đơn đặt in;

(iv) Cấp, bán hóa đơn do Cục Thuế đặt in, tự in.

4.7. Nhóm vấn đề quy định về quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng hóa đơn gồm năm (05) nội dung:

(i) Quyền lợi, trách nhiệm của người bán hàng hóa, dịch vụ.

(ii) Quyền lợi và trách nhiệm của người mua hàng hóa, dịch vụ.

(iii) Điều kiện của tổ chức nhận in hóa đơn, tổ chức cung ứng phần mềm tự in hóa đơn.

(iv) Trách nhiệm của cơ quan thuế trong hỗ trợ (khoảng 10% doanh nghiệp, doanh nghiệp mới chuyển lên từ hộ kinh doanh có kê khai) về phần mềm và trong việc quản lý hóa đơn.

(v) Quy định rõ nội dung: Hóa đơn điện có giá trị sử dụng trong việc thực hiện các thủ tục về thuế, chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường, để đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu, để kê khai thanh toán vốn ngân sách. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan sử dụng Hóa đơn điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu cung cấp Hóa đơn giấy (tương tự như quy định Tờ khai hải quan điện tử).[6]

4.8. Nhóm vấn đề về xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn: Người bán hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm truyền dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Cơ quan thuế có trách nhiệm xây dựng CSDL về hóa đơn phục vụ công tác quản lý thuế theo thông lệ quốc tế, gồm năm (05) nội dung:

(i) Khái niệm về cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

(ii) Nguyên tắc xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

---

[6] Khoản 9 Điều 25 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định: Tờ khai hải quan có giá trị sử dụng trong việc thực hiện các thủ tục về thuế...; chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan sử dụng tờ khai hải quan điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu người khai hải quan cung cấp tờ khai hải quan giấy."

(iii) Nguồn thông tin hình thành cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

(iv) Mục đích của việc sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

(v) Trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

4.9. Nhóm vấn đề tạo thuận lợi cho Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, khuyến khích sử dụng hóa đơn điện từ gồm ba (03) nội dung như sau:

(i) Được hoàn thuế trước kiểm tra sau.

(ii) Không thuộc đối tượng rủi ro khi thanh tra, kiểm tra.

(iii) Không phải báo cáo về tình hình sử dụng hóa đơn.

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Qua nghiên cứu tài liệu kinh nghiệm quốc tế về việc áp dụng hóa đơn điện tử trong bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đã được thực hiện tại nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Đài Loan, Anh, Áo, Australia... Trên thế giới quá trình phát triển của hoá đơn điện tử đang ngày càng được hiện đại hoá, hoàn thiện mang lại tiện ích cho người sử dụng.

1. Mô hình triển khai hóa đơn điện tử trên thế giới

1.1. Các giai đoạn phát triển

Giai đoạn 1: Truyền nhận hóa đơn điện tử trực tiếp từ người bán đến người mua - B2C (Business to Customer) (giữa doanh nghiệp và cá nhân).

Theo đó, Hóa đơn được truyền nhận qua Portal, Email. Tỷ lệ chấp nhận của khách hàng hạn chế, do

Giai đoạn 2: Truyền nhận hóa đơn điện tử qua cùng một tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử - B2C Consolidator (giữa doanh nghiệp và cá nhân qua tổ chức trung gian).

Theo đó, nhiều người bán sử dụng chung một tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử; Người mua chỉ phải vào một cổng thông tin duy nhất để nhận và thanh toán hóa đơn; Tiết kiệm chi phí đầu tư và vận hành cho các người bán sử dụng chung nhà cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Giai đoạn 3: Liên thông giữa hệ thống quản lý hóa đơn điện tử của người bán và người mua - B2B (Business to Busniess) và B2G (Business to Government).

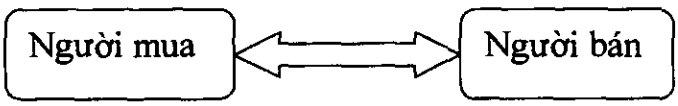
Theo đó, hóa đơn được gửi, nhận và truyền thẳng vào hệ thống quản lý tài chính của người mua; Nâng cao khả năng xử lý tự động ở cả hai phía người bán và người mua, cho phép xử lý hóa đơn với số lượng lớn.

Không phù hợp các doanh nghiệp vừa và nhỏ do chi phí đầu tư ban đầu lớn. Giải pháp: dùng dịch vụ do các tổ chức trung gian có khả năng liên thông hóa đơn với nhau.

Giai đoạn 4: Áp dụng rộng rãi hóa đơn điện tử và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn hóa đơn giấy cho mọi đối tượng doanh nghiệp và trong mọi lĩnh vực cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

1.2. Mô hình quản lý phổ biến hóa đơn điện tử

(i) Mô hình song phương (Bilateral model)



Với mô hình này:

- Người mua có thể xem và download hóa đơn sau khi đăng nhập vào Cổng thông tin của người bán;

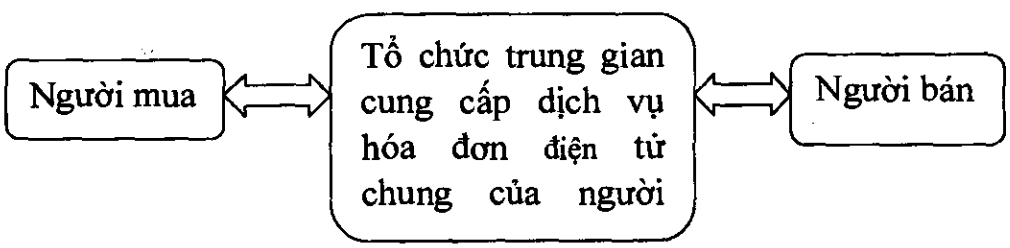
- Gửi qua email ở dạng file đính kèm;

- Người mua triển khai giải pháp hóa đơn điện tử tại doanh nghiệp mình để nhận hóa đơn điện tử thông qua các kênh và các định dạng khác nhau;

- Nhận hóa đơn trực tiếp ở dạng luồng dữ liệu sẵn sàng chuyển thẳng vào các ứng dụng tài chính kế toán;

- Một số người bán đặt sẵn thông tin hóa đơn vào các mẫu web (web template) trên cổng thông tin.

(ii) Mô hình 3 bên (3-Corner model)

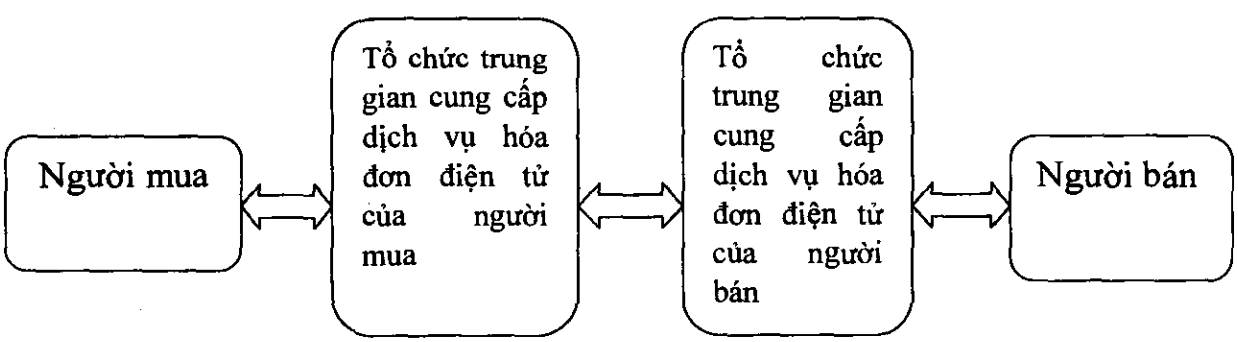


Với mô hình này:

- Người bán và người mua sử dụng chung một tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử để truyền nhận hóa đơn;

- Người mua và người bán có quan hệ hợp đồng riêng với cùng một nhà cung cấp dịch vụ.

(iii) Mô hình 4 bên (4-Corner model)



Với mô hình này:

- Người bán và người mua sử dụng tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử của riêng mình để xử lý và truyền nhận hóa đơn.

- Hai tổ chức trung gian tự quản lý việc truyền nhận hóa đơn. Hai tổ chức trung gian có thể không có quan hệ hợp đồng trực tiếp mà có thể truyền nhận thông qua một hay nhiều tổ chức trung gian nữa (mô hình đa phương).

2. Kinh nghiệm một số nước triển khai hóa đơn điện tử

2.1 Đối với Hàn Quốc

Hàn Quốc với dân số là 50 triệu người. Đến thời điểm này Hàn Quốc có khoảng 500 nghìn doanh nghiệp (tương đương với Việt Nam) và 2,5 triệu hộ kinh doanh.

(i) Lộ trình triển khai hóa đơn điện tử tại cơ quan thuế Hàn Quốc:

- Năm 2008: cơ quan thuế thiết lập tổ công tác nghiên cứu triển khai hóa đơn điện tử. Tổ công tác đã thiết lập hệ thống hóa đơn thuế điện tử để phục vụ việc triển khai hóa đơn. Cơ quan thuế Hàn Quốc đặc biệt chú trọng tới công tác tuyên truyền về lợi ích của hóa đơn thuế điện tử.

- Năm 2010: triển khai hệ thống e-Invoice (e là viết tắt của express). Ban đầu Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp tự nguyện tham gia. Do trình độ công nghệ thông tin của các doanh nghiệp ở mức độ khá cao nên năm 2010 đã có khoảng 70% các doanh nghiệp tự nguyện tham gia.

- Năm 2011: các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân bắt buộc phải tham gia. Việc bắt buộc này không gặp phải sự phản đối của các doanh nghiệp vì các doanh nghiệp đều mong muốn được kinh doanh trong môi trường minh bạch hơn. Cơ quan thuế có nhiều biện pháp để hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với hóa đơn thuế điện tử như tuyên truyền, tập huấn,

- Tháng 01/2012: Cá nhân kinh doanh có doanh thu lớn hơn 20 tỷ VND (1 triệu KRW) một năm bắt buộc phải phát hành hóa đơn thuế điện tử. Việc xác định doanh thu sẽ dựa vào thu nhập năm liền trước.

- Đến năm 2014: Mở rộng việc bắt buộc phát hành hóa đơn thuế điện tử tới cá nhân có doanh thu lớn hơn 5,7 tỷ VND (300K KRW).

(ii) Lợi ích của việc hóa đơn điện tử

- Việc chuyển đổi từ hóa đơn giấy sang hóa đơn thuế điện tử giúp Hàn Quốc tiết kiệm được 6.700 tỷ won (134 nghìn tỷ VNĐ) chi phí cho toàn xã hội.

- Để khuyến khích người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử, cơ quan Thuế khuyến khích người bán có thể giảm 200 KRW tiền thuế (khoảng 4000 VNĐ/HĐĐT) và tối đa giảm không quá 1 triệu KRW (tương đương 20.000.000 VNĐ trong một năm). Tuy nhiên đến năm 2015 đã xóa bỏ chế độ này.

- Hóa đơn thuế điện tử đã được lập và gửi tới cơ quan thuế, người bán và người mua không cần in hóa đơn ra giấy để lưu trữ phục vụ việc kiểm tra của cơ quan thuế và các cơ quan QLNN liên quan.

- NNT có thể tra cứu dễ dàng các báo cáo về hóa đơn bán ra và mua vào trên hệ thống của cơ quan thuế phục vụ việc khai thuế của doanh nghiệp.

- NNT không phải lưu trữ hóa đơn thuế điện tử, giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp.

(iii) Quy tắc chung về hóa đơn điện tử

Hàn Quốc quy định: Hóa đơn thuế điện tử được sử dụng khi lập cho doanh nghiệp; đối với cá nhân sử dụng Hóa đơn tiền mặt.

- **Đối tượng sử dụng hóa đơn thuế điện tử**: doanh nghiệp đang hoạt động và cá nhân kinh doanh có doanh thu năm liền trước từ 300 triệu KRW (tương đương 6 tỷ đồng) trở lên.

- **Thời điểm sử dụng hóa đơn điện tử**: người nộp thuế không phải đăng ký phát hành hóa đơn cũng như đăng ký mẫu hóa đơn thuế điện tử; có thể sử dụng ngay hóa đơn thuế điện tử khi có giấy phép kinh doanh.

- **Thời điểm lập hóa đơn**:

+ Hóa đơn thuế điện tử được lập khi người bán cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người mua (quy định tại Luật thuế GTGT).

+ Người bán có thể lập chung một hóa đơn thuế điện tử cho tổng giá trị giao dịch phát sinh trong tháng của một người mua vào ngày mùng 10 của tháng tiếp theo tháng phát sinh các giao dịch mua bán. Nếu ngày 10 của tháng tiếp theo trùng vào ngày thứ 7, Chủ nhật thì thời gian lập hóa đơn được lùi sang ngày làm việc tiếp theo.

- **Thời gian chuyển hóa đơn điện tử:**

+ Nếu người bán xuất hóa đơn trên hệ thống Hometax sẽ được gửi tới cơ quan thuế ngay lập tức.

+Nếu người bán xuất hóa đơn trên hệ thống ASP sẽ được gửi tới cơ quan thuế vào ngày hôm sau.

- **Hình thức chuyển hóa đơn thuế điện tử:** 5 hình thức

(1) HomeTax: trang web do cơ quan Thuế cung cấp. Hình thức này chủ yếu áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ với số lượng hoá đơn được lập không nhiều. Áp dụng hình thức này, hoá đơn thuế điện tử được gửi đi ngay tức thì và được miễn phí.

(2) ASP (nhà cung cấp dịch vụ trung gian): Áp dụng chủ yếu đối với các doanh nghiệp lớn với số lượng lớn hoá đơn điện tử thuế, người nộp thuế phải trả phí sử dụng.

(3) ERP: phần mềm kế toán của doanh nghiệp.

(4) Mobile Hometax: ứng dụng trên Mobile do cơ quan Thuế cung cấp.

(5) ARS: người nộp thuế gọi điện thoại (thông qua một ma trận mã do cơ quan Thuế cung cấp) để phát hành hóa đơn thuế điện tử. Hình thức này áp dụng trong môi trường hạn chế về internet.

(6) Đến trực tiếp cơ quan Thuế để phát hành hóa đơn thuế điện tử khi NNT không đủ trình độ về CNTT để lập hóa đơn.

- **Hóa đơn thuế điện tử khi được lập** sẽ chuyển trực tiếp tới cơ quan thuế hoặc chuyển qua các nhà cung cấp dịch vụ ASP để nhận số hóa đơn. Nhà cung cấp dịch vụ ASP được cơ quan thuế ủy quyền để cấp số hóa đơn.

Do Hàn Quốc không áp dụng kiểm tra hàng hóa trên đường như ở Việt Nam nên cũng không tính đến việc chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để thực hiện cho hàng hoá vận chuyển trên đường.

- **Mẫu hóa đơn thuế điện tử:** cơ quan thuế quy định 1 mẫu hóa đơn thuế điện tử áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp, cụ thể:

+ *Thông tin bắt buộc trên hóa đơn thuế điện tử gồm*: Số đăng ký kinh doanh, tên doanh nghiệp bán; số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mua hàng; giá trị hàng hóa cung cấp; số thuế VAT, ngày lập hóa đơn.

+ *Thông tin không bắt buộc (tự chọn) gồm*: Địa chỉ người bán; tên, địa chỉ người mua, loại hình kinh doanh, tên hàng hóa dịch vụ, đơn giá, số lượng...

- **Kiểm tra hóa đơn:** Người bán, người mua khi cần kiểm tra hóa đơn có thể vào trang HomeTax của cơ quan thuế để tra cứu thông tin về hóa đơn. Cơ quan thuế là đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hóa đơn của doanh nghiệp và là đơn vị cung cấp thông tin cho các cơ quan QLNN khác.

- **Chữ ký điện tử trên hóa đơn**: Người bán phải thực hiện ký điện tử trên hóa đơn trước khi gửi cho cơ quan thuế hoặc nhà cung cấp ASP để nhận số hóa đơn. Với những người bán không có chữ ký điện tử, cơ quan thuế sẽ cấp

miễn phí thẻ bảo mật. Người bán dùng thẻ bảo mật để thay cho chữ ký số. Người mua không phải ký điện tử trên hóa đơn.

- Cơ quan thuế nhận được thông tin phát hành hóa đơn của người bán và gửi đến người mua để xác nhận. Người mua nếu không có email xác nhận thì coi như hệ thống của cơ quan thuế đã gửi tới người mua. Nếu người mua không nhận được hóa đơn thuế điện tử có thể mang các giấy tờ chứng minh giao dịch tới cơ quan thuế để khiếu nại để được khấu trừ thuế.

- Người bán phát hành hóa đơn qua điện thoại (ARS) dùng thẻ bảo mật để chứng minh sự hợp lệ của người bán.

- Khi hóa đơn sai sót thì người bán lập hóa đơn với số tiền âm bằng đúng với số tiền trên hóa đơn bị sai sót và sau đó lập một hóa đơn mới để thay thế cho hóa đơn điều chỉnh. Việc thay thế này không cần thỏa thuận giữa người mua và người bán.

- Cơ quan thuế cho phép NNT có thể tra cứu hóa đơn thuế điện tử đầu vào và hóa đơn thuế đầu ra trên trang HomeTax và tổng hợp số liệu trên bảng kê hàng hóa bán ra, mua vào của tờ khai Giá trị gia tăng.

- NNT khi lập hóa đơn thuế điện tử không phải lưu trữ hóa đơn, trách nhiệm lưu trữ hóa đơn thuộc về cơ quan thuế. NNT sử dụng hóa đơn giấy vẫn phải thực hiện lưu trữ hóa đơn theo quy định của pháp luật (5 năm).

(iv) Hệ thống hóa đơn tiền mặt

Hộ kinh doanh có sử dụng máy tính tiền thường có các thiết bị POS để thực hiện thanh toán qua ngân hàng. Đơn vị cung cấp thiết bị quẹt thẻ sẽ cung cấp dịch vụ thu thập thông tin về hóa đơn tiền mặt gửi đến cơ quan thuế. Cơ quan thuế có hệ thống riêng quản lý hóa đơn tiền mặt do chuẩn dữ liệu về hóa đơn tiền mặt khác với dữ liệu về hóa đơn thuế điện tử.

Hệ thống hóa đơn tiền mặt độc lập với hệ thống hóa đơn điện tử.

(v) Chế tài xử phạt các doanh nghiệp không tuân thủ pháp luật về hóa đơn:

- Hành vi không lập hóa đơn thuế điện tử: người bán bị phạt 2% trên giá trị giao dịch, người mua không được khấu trừ thuế.

- Hành vi lập hóa đơn thuế điện tử muộn: Lập hóa đơn trong chu kỳ khai thuế (quý) nhưng sau thời gian quy định của ngày lập (sau ngày mồng 10 tháng sau), người bán, người mua đều bị phạt 1% giá trị giao dịch.

- Hành vi lập hóa đơn giấy: Người bán không lập hóa đơn điện tử bị phạt 1% giá trị giao dịch.

- Hành vi lập hóa đơn khống: Lập hóa đơn nhưng không cung cấp hàng hóa dịch vụ người bán và người mua đều bị phạt 2% giá trị giao dịch.

- Hành vi chuyển hóa đơn thuế điện tử muộn: Người bán chuyển hóa đơn cho cơ quan thuế sau ngày phát hành từ 2 ngày trở lên và trước ngày 11 của tháng tiếp theo sẽ bị phạt 0.1% giá trị giao dịch đối với cá nhân, 0.5% giá trị giao dịch với tổ chức

- Hành vi không chuyển hóa đơn thuế điện tử: Người bán không chuyển hóa đơn cho cơ quan thuế trước ngày 11 của tháng tiếp theo sẽ bị phạt 0.3% đối với cá nhân, 1% đối với tổ chức.

- Mức phạt tiền tối đa đối với các hành vi không phát hành hóa đơn thuế điện tử, không chuyển hóa đơn, chuyển hóa đơn muộn: 50 triệu KRW đối với doanh nghiệp nhỏ và 100 triệu KRW cho doanh nghiệp vừa và lớn. Đối với trường hợp doanh nghiệp cố tình vi phạm các quy định về hóa đơn thuế điện tử thì không hạn chế mức phạt tối đa.

(vi) Nghiệp vụ của việc phát hành hóa đơn điện tử

- Hóa đơn điện tử tại Hàn Quốc là hóa đơn, phát hành bằng phương pháp điện tử và được gửi dữ liệu tới hệ thống thuế quốc gia.

- Thẻ bảo mật là một thẻ mã hóa thông tin cá nhân bằng cách sử dụng bộ 30/4 con số lấy mẫu ngẫu nhiên. Thẻ bảo mật này được dùng cho các đơn vị không có chữ ký số.

- ASP (Application Service Provider): Đơn vị cung cấp dịch vụ về hóa đơn thuế điện tử của Hàn Quốc (tương tự như TVAN của Việt Nam). ASP được phép thu phí của doanh nghiệp khi thực hiện việc xuất hóa đơn thuế điện tử. ASP phải đảm bảo bảo mật thông tin phát hành hóa đơn cho NNT.

- Hóa đơn điện tử gửi tới cơ quan thuế nhưng bị lỗi (sai định dạng, chưa đăng ký kinh doanh, sai chữ ký số, lỗi chuyển giao dịch...) sẽ được xác định là chưa lập hóa đơn.

- Cơ quan thuế có thể thu hồi giấy phép của ASP nếu xảy ra 1 trong 3 trường hợp sau: Lớn hơn 10% số hóa đơn chuyển tới cơ quan thuế bị lỗi; Các đơn vị thường xuyên gửi chậm hóa đơn thuế điện tử cho cơ quan thuế; Các đơn vị không phối hợp với cơ quan thuế trong việc điều tra các gian lận về thuế.

(vii) Phương thức lập hóa đơn thuế điện tử

- Lập hóa đơn trên hệ thống HomeTax, Mobile HomeTax của cơ quan thuế: NNT được miễn phí chi phí lập hóa đơn và không cần đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin. 30% doanh nghiệp Hàn Quốc lựa chọn hình thức lập hóa đơn

này và đều là các doanh nghiệp nhỏ, số lượng hóa đơn xuất trong tháng là không nhiều. Khi lập hóa đơn trên hệ thống HomeTax, thông tin hóa đơn được tự động gửi tới cơ quan thuế ngay khi NNT thực hiện phát hành hóa đơn.

- Lập hóa đơn bằng cách gọi điện thoại tới hệ thống ARS: NNT có thể gọi tới tổng đài của cơ quan thuế và thực hiện theo hướng dẫn để lập hóa đơn. Việc chứng minh tính hợp lệ của người bán được thực hiện bằng cách nhập thông tin trên thẻ bảo mật.

- Cơ quan thuế hỗ trợ NNT lập hóa đơn khi không có kỹ năng về CNTT để thực hiện.

- Lập hóa đơn trên hệ thống ERP, ASP: NNT có thể thực hiện hiệu chỉnh lại hệ thống ERP của doanh nghiệp hoặc sử dụng hệ thống của doanh nghiệp ASP để phát hành hóa đơn thuế điện tử. Hệ thống ERP và ASP phải tuân thủ chuẩn dữ liệu hóa đơn thuế điện tử và chuẩn kết nối cơ quan thuế đã ban hành. Doanh nghiệp ASP phải gửi hóa đơn đã được phát hành tới cho cơ quan thuế sau 1 ngày.

2.2. Đối với Liên minh Châu Âu

Liên minh Châu Âu là một trong những nơi áp dụng hóa đơn điện tử tương đối sớm, tuy nhiên tỷ lệ áp dụng hóa đơn điện tử tại đây có sự khác nhau giữa các quốc gia thành viên. Ủy ban châu Âu đã thực hiện phát triển mục tiêu sử dụng hóa đơn điện tử trong Kế hoạch Hành động châu Âu từ năm 2002 và sau đó triển khai Nhóm Chuyên gia Ủy ban châu Âu nhằm mục tiêu phát triển Cơ cấu tổ chức Hóa đơn điện tử tại châu Âu (EEI) trong giai đoạn 2008-2009.

Một số nước châu Âu đã sử dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp của họ ngay cả khi cộng đồng châu Âu chưa áp dụng việc sử dụng này một cách rộng rãi. Các nước Bắc Âu là những nước đi tiên phong trong lĩnh vực này, điển hình là đất nước Đan Mạch, Phần Lan bắt đầu đưa hóa đơn điện tử vào thí điểm năm 1999 và đến nay hình thức hóa đơn điện tử được áp dụng phổ biến trong giao dịch tại đây.

(i) Về đối tượng, phạm vi áp dụng

- **Về phạm vi áp dụng**: áp dụng hóa đơn điện tử vào khu vực công và tư và góp phần tăng cường ưu đãi thương mại đối với thương mại điện tử thay thế cho quy trình lập hóa đơn bằng giấy thông thường.

- **Về đối tượng áp dụng**: sử dụng phổ biến ở các doanh nghiệp lớn. Nhiều doanh nghiệp lớn đã sử dụng hóa đơn điện tử trong khi việc triển khai hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở mức tương đối thấp mặc dù

số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tỷ lệ lớn đến trên 90% tổng số các doanh nghiệp tại châu Âu.

- Về hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện khác:

+ Các doanh nghiệp lớn tự đảm bảo cho việc tự vận hành và áp dụng hóa đơn điện tử;

+ Để thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Liên minh Châu Âu chú trọng phát triển các nhà cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, thông qua các nhà cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể áp dụng hình thức hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng của mình mà không phải đầu tư quá lớn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

+ Thị trường dịch vụ hóa đơn điện tử phát triển khá rộng rãi, hơn 400 nhà cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử tại châu Âu cung cấp số lượng lớn các mô hình kinh doanh hóa đơn điện tử.

(ii) Lợi ích phát triển hóa đơn điện tử tại Liên minh Châu Âu

- Đến nay, tỷ lệ áp dụng hóa đơn điện tử tại châu Âu là khoảng 23% doanh nghiệp ghi nhận việc nhận và gửi hóa đơn điện tử.

- Việc sử dụng hóa đơn điện tử tại châu Âu góp phần làm giảm chi phí giao dịch tại các doanh nghiệp và khu vực công vào khoảng 243 tỷ Euro hàng năm.

+ Ví dụ: tại Đan Mạch đã tiết kiệm được một khoản tiền là 100 triệu Euro chỉ sau đợt bùng nổ lớn áp dụng hóa đơn điện tử năm 2005. Điều này thúc đẩy phát triển hóa đơn điện tử và dự kiến sẽ mang lại khoản tiền tiết kiệm lớn hơn nhiều.

+ Tại Phần Lan: Phần Lan bắt đầu đưa hóa đơn điện tử vào thí điểm năm 1999 tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tại thời điểm đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ không thấy được những mặt thuận lợi của hóa đơn điện tử và các ứng dụng, dịch vụ thì không hoàn thiện. Tuy nhiên đến nay Phần lan đã ứng dụng hóa đơn điện tử rất tốt và các yêu cầu cho việc sử dụng hóa đơn điện tử ngày càng gia tăng. Các đất nước láng giềng Croatia, Italia đang trong quá trình phát triển CBI là một biến thể của liên ngân hàng VAN nơi các ngân hàng hoạt động như các cổng thông tin điện tử và các trung gian cho người sử dụng hóa đơn điện tử. Quốc gia Slovenia đã bắt đầu đưa dự án hóa đơn điện tử vào ứng dụng, đầu tiên là với các giao dịch trực tiếp của các chỉ tiêu EDIFACT (EANCOM) rồi đến định dạng XML nhưng gần đây đã dấu hiệu chuyển sang sử dụng phần mềm GS1 BMS. Tại Tây Ban Nha, hóa đơn điện tử cũng đã được đưa vào sử dụng rộng rãi tại các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ, và đang trong

quá trình khuyến khích việc sử dụng hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp có quy mô rất nhỏ.

2.3. Tại Vương Quốc Anh

(i) Về đối tượng áp dụng: Hóa đơn điện tử được áp dụng tại các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy nhiên đối với doanh nghiệp lớn được khuyến khích hơn.

(ii) Khả năng áp dụng hóa đơn điện tử và kết quả thực hiện:

Việc áp dụng hóa đơn điện tử tại Anh thường tập trung vào các nhóm doanh nghiệp sau:

- Các doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ phát hành hóa đơn điện tử nhiều hơn các doanh nghiệp không có hoạt động quốc tế (43% so với 27,5%) và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu sử dụng hóa đơn điện tử nhiều hơn nữa (48,5% so với 27,5%).

- Kinh doanh trực tuyến làm cho hóa đơn trực tuyến trực quan và dễ dàng hơn. Doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến có nhiều khả năng để phát hành hóa đơn điện tử hơn so với những doanh nghiệp không có trang web riêng (35% so với 22%).

- Các doanh nghiệp kinh doanh thương mại có tỷ lệ áp dụng hóa đơn điện tử lớn hơn cả, trong khi các lĩnh vực về khách sạn, y tế và công tác xã hội cũng như bán lẻ, khoảng từ 15% đến 16% các doanh nghiệp vừa và nhỏ được ghi nhận sử dụng hóa đơn điện tử. Các doanh nghiệp có doanh số bán hàng cao hơn như lĩnh vực sản xuất, xây dựng, giao thông vận tải và viễn thông được ghi nhận từ 27% đến 31% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử. Ngành kinh doanh dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử với tỷ lệ cao nhất là 42%.

2.3. Đối với Đài Loan

Trước năm 1951, ở Đài Loan chưa có quy định thống nhất về sử dụng hoá đơn, những giao dịch trên thị trường thường sử dụng các loại hoá đơn tự tạo không có nội dung, mẫu và kích cỡ thống nhất. Điều đó đã gây ra khó khăn trong việc thu thuế.

Đài Loan thực hiện chế độ hóa đơn thống nhất (năm 1951) đến khi chính thức áp dụng hóa đơn điện tử, việc sử dụng hóa đơn của Đài Loan cũng thực hiện các hình thức hóa đơn giấy qua các mốc thời gian như sau: sử dụng hóa đơn lập bằng tay loại 3 liên (năm 1955), sử dụng hóa đơn lập trên máy tính (năm 1980), chấp nhận hóa đơn bán lẻ trên máy tính tiền (năm 1984), chấp nhận hóa đơn tự in (năm 1993), áp dụng thí điểm hóa đơn điện tử (năm 2000) tại Trung tâm dữ liệu, chính thức áp dụng hóa đơn điện tử rộng rãi (năm 2006).

(i) Điều kiện để được sử dụng hoá đơn điện tử:

Tại Đài Loan, các cơ sở kinh doanh muốn sử dụng hóa đơn điện tử phải đáp ứng các điều kiện dưới đây có thể đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử:

+ Cơ sở kinh doanh được xác định là không còn nợ thuế và không bị phạt thuế.

+ Cơ sở kinh doanh có thể nắm được thông tin của người mua hàng cá nhân (ví dụ như: tên, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử,...).

+ Đảm bảo có thiết bị kết nối mạng internet và có đủ khả năng lưu giữ các hoá đơn điện tử.

+ Đã được Bộ kinh tế cấp chữ ký điện tử và con dấu điện tử.

+ Phải sử dụng mạng GTGT để truyền dữ liệu điện tử.

*** Vận hành hoá đơn điện tử:**

Với mục tiêu giảm giấy tờ hành chính; nâng cao hiệu quả cạnh tranh của doanh nghiệp; xây dựng môi trường giao dịch hoá đơn điện tử lành mạnh và tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp và xã hội, từ năm 2007, Bộ Tài Chính Đài Loan giao cho Trung tâm dữ liệu Tài chính (FDC) thuộc Bộ tài chính xây dựng hệ thống giao dịch hoá đơn điện tử.

Trung tâm xây dựng cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính thực hiện các việc:

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin hoá đơn điện tử

- Xây dựng hệ thống mạng kết nối từ FDC tới các doanh nghiệp hoặc các cơ sở làm dịch vụ hóa đơn điện tử (VAN); các cơ quan chính phủ; các cơ quan quản lý Nhà nước

- Xây dựng ứng dụng (dạng Web) để kết nối và trao đổi thông tin với các doanh nghiệp, các ứng dụng này đảm bảo thu thập chính xác thông tin hoá đơn từ doanh nghiệp, kiểm soát các thông tin đảm bảo hoá đơn đúng qui định về hoá đơn thống nhất. Các trang web có thể do doanh nghiệp tự xây dựng nếu doanh nghiệp có đủ điều kiện nhưng ứng dụng lõi là do Trung tâm CSDL cung cấp thống nhất.

- Xây dựng các ứng dụng tra cứu thông tin hoá đơn từ CSDL cho các đối tượng có như cầu và có quyền tra cứu (khách hàng, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước).

- Cơ sở kinh doanh lập hoá đơn trên máy tính, gửi hoá đơn đến trung tâm CSDL này thay vì nộp đến cơ quan thuế.

- Trung tâm CSDL cung cấp dịch vụ thu thập, lưu trữ hoá đơn điện tử có thu phí và cho tra cứu khai thác thông tin miễn phí.

(ii) Kết quả của việc sử dụng hoá đơn điện tử tại Đài Loan:

- Tăng cường tính cạnh tranh của doanh nghiệp;

- Đơn giản thủ tục hành chính;

- Giảm thiểu chi phí in hoá đơn. Năm 2009, tỷ lệ sử dụng hoá đơn điện tử là 1% nhưng chi phí tiết kiệm từ việc sử dụng hoá đơn điện tử đã lên đến 1,36 tỷ đài tệ (40 triệu $).

- Số hiệu trên hóa đơn được tự động đóng dấu; hóa đơn điện tử không cần phải gửi qua được bưu điện nhiều lần, tránh được tổn thất và mất mát.

- Đài Loan có một mô hình phát triển và ứng dụng CNTT rất thành công ở khu vực và trên thế giới, trong đó ứng dụng giao dịch thuế điện tử được cộng đồng xã hội tích cực sử dụng vì tính hiệu quả cho các bên tham gia. Các cơ quan Chính phủ ở Đài Loan đã hợp tác với nhau chặt chẽ để triển khai đồng bộ các dịch vụ điện tử trong quản lý kinh tế.

- Đối với mô hình thành lập công ty cung cấp dịch vụ như Trade Van (Chính phủ giữ 40% cổ phần để có khả năng chi phối) là một giải pháp mang lại hiệu quả cao và đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai các dịch vụ công của Đài Loan. Đặc biệt là giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đã chứng tỏ lợi thế của mô hình sử dụng hóa đơn điện tử này với việc đảm bảo thực hiện tốt nhất các dịch vụ trực tuyến trong kê khai, nộp thuế điện tử.

(iii) Biện pháp khuyến khích sử dụng hoá đơn điện tử: Quay số mở thưởng đối với hoá đơn cho khách hàng là cá nhân; khuyến khích người dân sử dụng hóa đơn điện tử khi mua hàng bằng hình thức quay số hóa đơn trúng thưởng với các hoá đơn của khách hàng là người tiêu dùng cuối cùng (không dùng để khấu trừ thuế GTGT).

(iv) Điều kiện đảm bảo cho thực hiện hóa điện tử

*** Về hạ tầng kỹ thuật:**

- Sự vận hành hóa đơn điện tử tại Đài Loan thông qua Trung tâm dữ liệu Tài chính của Bộ Tài chính, do đó các hoạt động giao dịch điện tử trong nội bộ cơ quan Thuế đóng vai trò quan trọng trọng quyết định sự thành công của hóa đơn điện tử.

- Việc thực hiện hóa đơn điện tử gắn liền với kê khai thuế điện tử. Hóa đơn điện tử thực hiện qua tổ chức có khả năng cung cấp dịch vụ VAN. VAN là trung gian giữa người khai báo qua mạng và hệ thống tại cơ quan Thuế. Mọi thông tin người khai báo qua mạng sẽ được lưu tại cơ sở dữ liệu của VAN và chuyển tức thì về cơ sở dữ liệu của cơ quan Thuế. VAN còn giúp cho việc giao dịch điện tử, xử lý các hóa đơn điện tử và giao dịch với các ngân hàng, giúp cho việc thanh toán nhanh gọn và thuận lợi đối với người nộp thuế.

* **Về chứng thực điện tử, chữ ký điện tử:** để thực hiện các giao dịch điện tử trong đó có hóa đơn điện tử thì phải có một đơn vị tin tưởng đứng ra cung cấp dịch vụ xác thực điện tử và chữ ký số. Ở Đài Loan, dịch vụ này do Trung tâm Dữ liệu - Bộ Nội vụ thực hiện.

*** Việc sử dụng Hoá đơn điện tử tại Đài Loan cũng được quy định gắn với một số điều kiện cụ thể như:**

- Vé bay điện tử khi phát hành phải phát hành kèm theo phiếu thu tiền cho khách hàng.

- Thủ tục đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử với cơ quan Thuế: vốn đạt 500 tỷ, doanh thu đạt 500 triệu Đô-la Đài Loan.

- Không nợ thuế các năm trước; trong 2 năm có giấy chứng nhận kê khai thuế màu xanh.

- Đặt cọc 300.000 Đô-la Đài Loan, khi kết thúc cơ quan Thuế sẽ trả lại tiền đặt cọc.

*** Phát hành hoá đơn điện tử gồm có 3 loại**: Người bán hàng tự thành lập trang web để bán hàng và tự phát hành hoá đơn cho khách hàng; Người bán hàng thuê một công ty chuyên làm dịch vụ chuyển hoá đơn điện tử tới khách hàng: Kê khai tên người cung cấp hàng hoá, người bán không cần đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử, người mua hàng đăng ký phát hành hoá đơn thay cho người bán hàng; Công ty làm dịch vụ chuyển hoá đơn điện tử tới khách hàng phải có doanh thu 30.000.000 Đô-la Đài Loan. Giao dịch điện tử giữa các tổ chức với khách hàng thực hiện theo quy định tuy nhiên nếu khách hàng cần hoá đơn giấy thì đơn vị bán hàng sẽ phát hành thêm cho hoá đơn giấy đã đăng ký với cơ quan Thuế; Khi giao dịch hoá đơn điện tử thì người bán hàng phải gửi bảng kê hoá đơn điện tử về cơ quan thuế.

2.5. Đối với Mexico: Mexico cũng là một quốc gia áp dụng rộng rãi Hóa đơn điện tử. Năm 2010, mô hình xuất Hóa đơn Điện tử qua Internet (CFDI) được công bố. Năm 2011: Các công ty có doanh thu lớn hơn 4 triệu peso phải áp dụng CFDI. Ngày 1/1/ 2014, Mexico triển khai bắt buộc áp dụng CFDI với các công ty có doanh thu từ 250,000 peso trở lên, và cho việc phát hành tiền lương hoặc chứng từ lương. Tuy nhiên, bắt buộc này được mở rộng thêm 3 tháng (cho đến 31/03), quyết định này đã ảnh hưởng đến khoảng 500,000 người nộp thuế. Sau thời hạn này, các hình thức hóa đơn truyền thống đã dần dần không còn được sử dụng rộng rãi mà thay vào đó là HĐĐT.

2.6 Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam triển khai hóa đơn điện tử

Qua nghiên cứu kinh nghiệm một số nước trên thế giới triển khai hóa đơn điện tử nêu trên, đặc biệt mô hình hóa đơn điện tử tại Hàn Quốc thì có thể rút ra những kinh nghiệm để triển khai hóa đơn điện tử tại Việt Nam như sau:

Một là, ngay cả nước có nền kinh tế và công nghệ phát triển, hóa đơn điện tử cũng không được triển khai đồng loạt cho mọi đối tượng hay mọi loại hình doanh nghiệp. Việc xây dựng và thực hiện theo lộ trình đảm bảo:

- Doanh nghiệp, người dân, cơ quan tổ chức liên quan tiếp nhận thông tin về hóa đơn điện tử một cách đầy đủ, tường tận nhất từ đó tác động vào tâm lý để thay đổi nhận thức của xã hội đối với hóa đơn điện tử.

- Cơ quan quản lý nhà nước (cơ quan thuế) cũng có thời gian để xây dựng hạ tầng kỹ thuật đảm bảo kết nối để tiếp nhận thông tin về hóa đơn điện tử từ

doanh nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu cho cơ quan thuế, website hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc lập hoá đơn điện tử,...

- Tiếp nhận và hoàn thiện những hạn chế, bất cập của chính sách do mới được ban hành: hóa đơn điện tử là hình thức hoàn toàn mới nên khi ban hành các quy định không thể tránh khỏi những tồn tại và việc triển khai chính thức sẽ gặp vướng mắc mà khi ban hành chính sách không lường trước được. Thực hiện triển khai theo lộ trình sẽ giúp cơ quan quản lý phát hiện và khắc phục những vướng mắc để sửa đổi hoàn thiện hơn.

Thứ hai, bước đầu lựa chọn đối tượng triển khai thí điểm hóa đơn điện tử. Để sử dụng được hóa đơn điện tử thì doanh nghiệp cũng cần có điều kiện nhất định về hạ tầng CNTT và trình độ, năng lực quản lý. Phân loại, lựa chọn loại hình doanh nghiệp, các lĩnh vực kinh doanh để áp dụng hóa đơn điện tử.

Thứ ba, trong thời gian đầu triển khai hóa đơn điện tử, để thúc đẩy sử dụng hình thức hóa đơn này, hạn chế dần và dẫn đến xóa bỏ tâm lý e ngại về tính pháp lý của hóa đơn điện tử thì điều quan trọng và cần thiết là phải tích cực tuyên truyền về hóa đơn điện tử và có các giải pháp hỗ trợ đối với các doanh nghiệp áp dụng hóa đơn điện tử.

Thứ tư, sau khi triển khai thí điểm, các vấn đề tồn tại, hạn chế phát sinh cần đươc sửa đổi bổ sung kịp thời để hoàn thiện các cơ chế chính sách về hoá đơn điện tử cho phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và yêu cầu quản lý.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về tính pháp lý và lợi ích của hoá đơn điện tử, nhằm thay đổi nhận thức thói quen e ngại của người dân, doanh nghiệp đối với hóa đơn điện tử. Khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử.

Thứ sáu, xây dựng Trung tâm dữ liệu tại Tổng cục Thuế để tiếp nhận thông tin, dữ liệu về hóa đơn điện tử của doanh nghiệp gửi đến. Cơ sở dữ liệu này sẽ giúp cơ quan thuế quản lý chặt chẽ doanh thu, thuế đầu ra của doanh nghiệp bán hàng, thuế đầu vào kê khai khấu trừ của doanh nghiệp mua hàng, đóng vai trò quan trọng trong quản lý thuế. Đồng thời nghiên cứu phân loại đối tượng theo hướng quy định một số đối tượng doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử phải gửi đến trung tâm dữ liệu của cơ quan thuế.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 51, NGHỊ ĐỊNH 04

1. Việc sửa đổi chính sách bằng quy định sử dụng bắt buộc hóa đơn điện tử thay cho hóa đơn giấy mang lại nhiều ích cho doanh nghiệp, cơ quan thuế và toàn xã hội

a) Đối với doanh nghiệp

- Sử dụng hóa đơn điện tử giúp doanh nghiệp giảm chi phí hơn so với sử dụng hóa đơn giấy: giúp doanh nghiệp giảm chi phí sử dụng hóa đơn giấy như: chi phí giấy in, mực in, chi phí chuyển hóa đơn cho khách hàng (đối với trường hợp khách hàng ở xa, người bán phải chuyển phát nhanh hoặc gửi bưu điện hóa đơn trả khách hàng) và đặc biệt giảm chi phí lưu trữ hóa đơn.

Sử dụng hóa đơn điện tử có tác dụng: Không mất không gian lưu trữ như hóa đơn giấy; Giảm thời gian tìm kiếm hóa đơn; Tăng cường khả năng bảo mật hóa đơn; Giúp việc lưu trữ, quản lý hóa đơn vĩnh viễn; Không có rủi ro mất, nhàu nát như khi lưu trữ hóa đơn giấy; Nâng cao hiệu quả quản lý hóa đơn do việc tập hợp các thông tin qua phương tiện điện tử một cách nhanh chóng và kịp thời; chi phí vận hành và quản lý thấp, hiệu quả.

- Giúp doanh nghiệp giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính Thuế:

Khi doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử thì cơ bản các thủ tục hành chính thuế của doanh nghiệp cũng được thực hiện điện tử do đó doanh nghiệp sẽ thực hiện các thủ tục điện tử như: Doanh nghiệp chỉ cần thông báo qua mạng gửi đến cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử, sau khi thông báo được chấp nhận thì doanh nghiệp được sử dụng ngay hóa đơn điện tử; doanh nghiệp không phải đăng ký mẫu hóa đơn điện tử, không phải gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn đến cơ quan thuế vì phần mềm tạo hóa đơn điện tử cho phép tự xác định số lượng hóa đơn điện tử sử dụng, đây là nội dung khác biệt so với việc sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in vì trước khi sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, doanh nghiệp phải gửi mẫu hóa đơn đến cơ quan thuế và hàng quý phải lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn đến cơ quan thuế. Việc sử dụng hóa đơn điện tử giúp doanh nghiệp giảm bớt thời gian lập Tờ khai thuế GTGT so với sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in vì phần mềm tạo hóa đơn tự động kết chuyển số liệu vào Tờ khai thuế GTGT.

- Khắc phục tình trạng làm mất, hỏng, cháy hóa đơn:

Việc sử dụng hóa đơn giấy có rủi ro mất, hỏng, cháy do nhiều nguyên nhân khác nhau. Tuy nhiên việc sử dụng hóa đơn điện tử sẽ khắc phục được tình trạng này do hệ thống lưu trữ hóa đơn điện tử được sao lưu và thường xuyên cập nhật nên khả năng mất hoàn toàn dữ liệu hóa đơn là khó xảy ra.

- Đối với người mua:

Sử dụng hóa đơn điện tử tạo sự yên tâm cho người mua: sau khi nhận hóa đơn điện tử, người mua có thể kiểm tra ngay trên hệ thống của cơ quan Thuế để biết chính xác thông tin của hóa đơn người bán khai báo với cơ quan Thuế và thông tin người bán cung cấp cho người mua. Bên cạnh đó người mua sẽ hạn chế bị sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp bỏ trốn mất tích do hệ thống cơ quan Thuế ngừng không cho doanh nghiệp bỏ trốn được xuất hóa đơn.

b)Đối với cơ quan thuế và cơ quan khác của nhà nước trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình

- Sử dụng hóa đơn điện tử giúp ngành thuế xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn:

Khi toàn bộ doanh nghiệp triển khai hóa đơn điện tử thì ngành thuế sẽ có hệ thống cơ sở dữ liệu về hóa đơn từ đó có thể phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, hoàn thuế, phân tích rủi ro doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh. Bên cạnh đó có thể giúp cơ quan hải quan tại các cửa khẩu, sân bay nhanh chóng có thông tin để thực hiện hoàn thuế.

- Cơ quan thuế và các cơ quan khác của nhà nước không tốn chi phí thời gian đối chiếu hóa đơn như hiện nay

Hiện nay khi kiểm tra hoàn thuế GTGT và khi kiểm tra thuế TNDN, cơ quan thuế và cơ quan khác của nhà nước đều thực hiện đối chiếu hóa đơn, đây là công việc bắt buộc. Thủ tục đối chiếu hóa đơn theo quy trình hiện nay tốn nhiều thời gian vì được thực hiện thủ công theo cách: cơ quan thuế quản lý người bán sau khi nhận số liệu hóa đơn cần đối chiếu phải tiếp tục gửi đến người bán để người bán có ý kiến, sau khi người bán có ý kiến gửi cơ quan thuế quản lý người bán thì cơ quan thuế mới có văn bản trả lời cơ quan thuế quản lý người mua. Thông thường thời gian để cơ quan thuế có được kết quả đối chiếu hóa đơn là khoảng 10 ngày làm việc. Trước năm 2015 thì cơ quan thuế quản lý người bán không cần gửi người bán có ý kiến vì cơ quan thuế sẽ kiểm tra dữ liệu Bảng kê hóa đơn bán ra mà người bán gửi kèm Tờ khai thuế GTGT nhưng từ năm 2015 Luật số 71/2014/QH13 đã sửa đổi Luật Quản lý thuế quy định người nộp thuế không phải gửi Bảng kê kèm theo Tờ khai thuế GTGT nên từ năm 2015 việc đối chiếu hóa đơn tốn nhiều thời gian hơn trước.

Khi doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thông tin về hóa đơn của doanh nghiệp được tập trung tại cơ quan Thuế một cách liên tục nên cơ quan Thuế có ngay thông tin về doanh thu, chi phí hàng ngày của doanh nghiệp, kịp thời phát hiện ra những bất thường khi doanh nghiệp xuất hóa đơn. Cơ quan thuế, cơ quan khác của nhà nước không cần phải thực hiện xác minh hóa đơn như hiện nay.

- Kịp thời ngăn chặn hóa đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích:

Khi cán bộ thuế nhập thông tin về doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích, hệ thống sẽ tự động dừng không cho phép doanh nghiệp được xuất hóa đơn. Đồng thời dễ dàng áp dụng xuất từng hóa đơn riêng lẻ cho cá nhân kinh doanh, cho các doanh nghiệp bị cưỡng chế về nợ.

c) Đối với xã hội

- Sử dụng hóa đơn điện tử khắc phục được trình trạng gian lận sử dụng bất hợp pháp hóa đơn - lập hóa đơn sai lệch nội dung giữa các liên

Qua công tác quản lý thuế cơ quan thuế đã phát hiện một số trường hợp ghi số liệu các liên hóa đơn khác nhau, liên 1 – là liên lưu và để khai thuế của người bán thì ghi giá trị và tiền thuế thấp để khai thuế thấp, nhưng liên 2 – là liên giao cho người mua thì ghi giá trị và tiền thuế cao nhằm mục đích gian lận thuế.

Việc sử dụng hóa đơn điện tử sẽ khắc phục tình trạng này vì hóa đơn điện tử là thông điệp dữ liệu điện tử, khi hóa đơn điện tử được lập và ký số và gửi đi thì nội dung thông điệp điện tử của người bán và người mua sẽ là như nhau và không có khả năng chỉnh sửa nên sẽ không có gian lận như việc sử dụng hóa đơn giấy nêu trên.

- Khắc phục tình trạng làm giả hóa đơn:

Qua công tác quản lý thuế cơ quan thuế đã phát hiện một số trường hợp làm giả hóa đơn đặt in, làm giả hóa đơn tự in để sử dụng. Hóa đơn làm giả giống hệt hóa đơn thật về hình thức, màu sắc và các đối tượng làm giả cũng làm giả chữ ký, con dấu để in lên hóa đơn giả. Thực tế người mua hàng (là các tổ chức, cá nhân) rất khó phân biệt được hóa đơn thật, hóa đơn giả.

Hóa đơn điện tử và hóa đơn điện tử có mã xác thực có tính bảo mật cao vì sử dụng chữ ký số của người bán nên khả năng làm giả hóa đơn là khó, vì vậy việc sử dụng hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn giấy (hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in) sẽ khắc phục được tình trạng làm giả hóa đơn do đó giảm khả năng sử dụng

hóa đơn để gian lận.

- Tạo một môi trường kinh doanh lành mạnh cho các doanh nghiệp.

- Giúp việc triển khai thương mại điện tử được hoàn thiện hơn từ việc đặt hàng trên mạng, giao hóa đơn điện tử qua mạng, thanh toán qua mạng.

- Hóa đơn điện tử góp phần làm giảm bớt việc sử dụng giấy nên sẽ góp phần bảo vệ môi trường.

2. Tác động của thủ tục hành chính và sửa đổi quy định khác

- Nghị định mới thay thế Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP không tạo thêm thủ tục hành chính mới mà sửa lại một số thủ tục hiện hành theo hướng: (i) rút ngắn thời gian đăng ký sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in với cơ quan thuế trực tiếp từ 05 ngày xuống còn 01 ngày làm việc góp phần giảm thủ tục hành chính và tạo điều kiện để người nộp thuế được sử dụng ngay hóa đơn; (ii) hướng dẫn rõ những thủ tục nào chỉ áp dụng đối với hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in, không áp dụng đối với hóa đơn giấy.

- Việc sửa đổi khái niệm sử dụng hóa đơn bất hợp pháp sẽ góp phần minh bạch chính sách để việc áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa đơn được thuận lợi.

3. So sánh chi phí vật chất sử dụng hóa đơn điện tử và hóa đơn giấy (hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in)

Theo số liệu khảo sát, chi phí cao nhất mà doanh nghiệp sử dụng hóa đơn tự in là khoảng 2.500đ/1 tờ hóa đơn (tương đương 125.000 đ/1 quyển 50 số); chi phí cao nhất đặt in hóa đơn là 2.000đ/1 tờ hóa đơn (tương đương 100.000đ/1 quyển 50 số hóa đơn).

Chi phí cơ quan thuế đặt in là 352đ/1hóa đơn, (tương đương 7.600đ/50 số hóa đơn), theo đó cơ quan thuế bán cho doanh nghiệp rủi ro phải mua hóa đơn, tổ chức, hộ kinh doanh với giá 400đ/hóa đơn.

Kết quả đánh giá của các doanh nghiệp về sử dụng hóa đơn điện tử:

(i) Tập đoàn Điện lực Việt Nam: theo thống kê EVN số lượng HĐĐT trung bình là 23,6 triệu hóa đơn/tháng (tương đương khoảng 283 triệu hóa đơn/năm). Chi phí hóa đơn tự in (chưa tính phần quản lý, lưu kho) khoảng 420 đồng/hóa đơn; chi phí HDĐT (đã tính chi phí quản lý, lưu trữ) chỉ khoảng 292 đồng/hóa đơn.

Như vậy, sử dụng hóa đơn điện tử tiết kiệm được gần 130 đồng/hóa đơn so với hóa đơn giấy và giúp EVN tiết kiệm được chi phí hơn 3 tỷ đồng/tháng (khoảng 36 tỷ đồng/năm).

(ii) Tập đoàn bưu chính Viễn thông Việt Nam: theo báo cáo của VNPT, số lượng hóa đơn điện tử phát hành khoảng 6 triệu hóa đơn/tháng (khoảng 70 triệu hóa đơn/năm). Chi phí tiết kiệm được khoảng 8 tỷ đồng/năm.

(iii) Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel: bắt đầu triển khai chính thức HDĐT trên toàn quốc trong Qúy 1/2016, đã sử dụng 30 triệu HDDT.

Theo ước tính của Viettel thì chi phí sử dụng HĐĐT giảm 100đồng/hóa đơn. Như vậy với số lượng phát hành khoảng 5 triệu hóa đơn/tháng (tương đương 60 triệu hóa đơn/năm) thì chi phí sử dụng HĐĐT sẽ tiết kiệm được khoảng 500 triệu đồng/tháng (tương đương khoảng 6 tỷ/năm).

Tính đến tháng 9/2016, cả nước có trên 460 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử (năm 2015 là 331 doanh nghiệp) với số lượng HĐĐT đã sử dụng khoảng 400 triệu hóa đơn.

CHÍNH PHỦ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: /2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

ĐỀ CƯƠNG

NGHỊ ĐỊNH
QUY ĐỊNH VỀ HÓA ĐƠN BÁN HÀNG HÓA, CUNG ỨNG DỊCH VỤ (THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 51/2010/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 04/2014/NĐ-CP)

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn điện tử; hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế;

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về việc in, phát hành, sử dụng hóa đơn tự in/đặt in; quy định khởi tạo, phát hành, sử dụng, quản lý hóa đơn điện tử do doanh nghiệp tự tạo, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

1. Người bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, gồm:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam kinh doanh bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (gọi chung là bán hàng hóa, dịch vụ) tại Việt Nam hoặc bán ra nước ngoài;

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam hoặc sản xuất kinh doanh ở Việt Nam bán hàng ra nước ngoài;

c) Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài không kinh doanh nhưng có bán hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam

2. Tổ chức nhận in hóa đơn; tổ chức cung ứng phần mềm tự in hóa đơn; tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử.

3. Tổ chức, cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ

4. Cơ quan quản lý thuế các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc in, *khởi tạo*, phát hành, sử dụng hóa đơn

Điều 3. Loại, hình thức và nội dung hóa đơn

- Quy định về loại, hình thức hóa đơn (trong đó hướng dẫn rõ hình thức: hóa đơn điện tử do doanh nghiệp tự tạo định kỳ chuyển dữ liệu cơ quan thuế; hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

- Nội dung hóa đơn: quy định các nội dung bắt buộc trên hóa đơn (trong đó hướng dẫn rõ nội dung bắt buộc hóa đơn điện tử do doanh nghiệp tự tạo, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

Điều 4: Giải thích từ ngữ

Quy định khái niệm

- Hóa đơn hóa đơn điện tử do doanh nghiệp tự tạo;

- Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế;

- Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử;

- Mã xác thực giao dịch điện tử;

- Quy định sử dụng hóa đơn bất hợp pháp/sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.

Điều 5: Sử dụng hóa đơn

1. Nguyên tắc sử dụng hóa đơn (trong đó hướng dẫn hóa đơn điện tử do doanh nghiệp tự tạo định kỳ chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế; hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

2. Lập hóa đơn, các trường hợp không phải lập hóa đơn (trong đó quy định trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử/hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì người bán phải lập hóa đơn kể cả trường hợp có giá trị dưới

200.000VND); đối với hóa đơn giấy theo hình thức tự in/đặt in thì trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ dưới 200.000 VND thì không phải lập và giao hóa đơn, trừ trường hợp người mua yêu cầu).

3. Ủy nhiệm lập hóa đơn; sử dụng hóa đơn của người mua hàng (trong đó hướng dân ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử do doanh nghiệp tự tạo, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

Chương 2.
HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CƠ QUAN THUẾ

MỤC 1: TẠO VÀ PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Điều 6: Lộ trình, đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

1. Từ 01/01/2018

(i) Đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử thực hiện chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế.

Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử kể từ khi có mã số thuế và định kỳ thực hiện kết chuyển dữ liệu hóa đơn cho cơ quan thuế gồm:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập có sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- Doanh nghiệp, Ngân hàng có mức vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng trở lên tính theo số vốn đã thực góp đến thời điểm thông báo phát hành hóa đơn, bao gồm cả Chi nhánh, đơn vị trực thuộc khác tỉnh, thành phố với trụ sở chính có thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT.[1]

(ii) Đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

Các doanh nghiệp, tổ chức sau sử dụng hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế gồm:

- Doanh nghiệp mới thành lập (không bao gồm doanh nghiệp nêu tại điểm i ở trên);

---

[1] Đây là các đối tượng được tạo hóa đơn tự in kể từ khi có mã số thuế theo quy định tại Nghị định 51, Nghị định 04.

- Các doanh nghiệp, tổ chức đang mua hóa đơn của cơ quan thuế gồm: Doanh nghiệp vi phạm về quản lý, sử dụng hóa đơn; doanh nghiệp có rủi ro theo thông báo của cơ quan thuế và tổ chức, doanh nghiệp khác thuộc đối tượng mua hóa đơn của cơ quan thuế trước ngày 01/01/2018 phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế theo Thông báo của cơ quan thuế.

2. Từ ngày 01/01/2019: 30% các tổ chức, doanh nghiệp còn lại.

3. Từ ngày 01/01/2020:

- 80% các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

- Hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử có doanh thu/năm từ 3 tỷ trở lên.

Điều 7. Điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

Doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh thực hiện hóa đơn điện tử phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Sử dụng chữ ký số được ký bằng chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

2. Đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin theo quy định, có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet.

Điều 8: Đăng ký hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

1. Đăng ký hóa đơn điện tử thực hiện chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế.

- Quy định thủ tục đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN;

- Quy định định kỳ chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế;

- Quy định thủ tục thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử;

- Quy định thủ tục ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.

2. Đăng ký, sử dụng hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

- Quy định thủ tục đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế;

- Quy định thủ tục ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế;

- Quy định lập và gửi hóa đơn điện tử để cấp mã cơ quan thuế.

Điều 9: Khởi tạo, phát hành hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

1. Khởi tạo, phát hành hóa đơn điện tử định kỳ chuyển dữ liệu cơ quan thuế.

- Khởi tạo hóa đơn điện tử: Quyết định khởi tạo hóa đơn điện tử bao gồm nội dung: tên hệ thống thiết bị, nhà cung cấp dịch vụ trách nhiệm về mặt kỹ thuật hoá đơn điện tử, phần mềm ứng dụng; Quy trình khởi tạo, lập, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hoá đơn điện tử trong nội bộ tổ chức; Trách nhiệm của từng bộ phận trực thuộc liên quan việc khởi tạo, lập, xử lý, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hoá đơn điện tử trong nội bộ tổ chức.

- Phát hành hóa đơn điện tử: Trước khi sử dụng hóa đơn điện tử, tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử không phải lập Thông báo phát hành hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

2. Khởi tạo, phát hành hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế

- Khởi tạo phát hành hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế: Quy trình khởi tạo, lập, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hoá đơn điện tử có mã cơ quan thuế giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế; Trách nhiệm của từng bộ phận trực thuộc liên quan việc khởi tạo, lập, xử lý, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hoá đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

- Phát hành hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế: Trước khi sử dụng hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế, tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế không phải lập Thông báo phát hành hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

MỤC II:

SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CƠ QUAN THUẾ

Điều 10: Lập hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế

- Các hình thức lập hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

- Các hình thức gửi hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế: Gửi trực tiếp; Gửi thông qua tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử.

Điều 11: Xử lý hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế đã lập.

1. Xử lý hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế đã lập giữa người bán và người mua.

2. Xử lý sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

- Trường hợp gặp sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế do lỗi hệ thống hạ tầng kỹ thuật của người nộp thuế.

- Trường hợp do lỗi hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Trường hợp lỗi do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong ngày cuối cùng của thời hạn chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử.

Điều 12: Báo cáo sử dụng, ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử

1. Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn điện tử: Doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử không phải lập Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn điện tử.

2. Uỷ nhiệm lập hóa đơn điện tử.

Điều 13: Lưu trữ, hủy và tiêu hủy hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

Điều 14: Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

Điều 15: Bảo mật thông tin.

MỤC III

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CƠ QUAN THUẾ

Điều 16: Điều kiện của tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

Điều 17: Lựa chọn tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin để ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN.

Điều 18: Trách nhiệm giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với người nộp thuế.

Điều 19: Trách nhiệm giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với cơ quan thuế.

Điều 20: Trách nhiệm của tổ chức kinh doanh bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thực hiện hoá đơn điện tử, hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

Điều 21: Trách nhiệm của cơ quan thuế về việc xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế.

- Nguyên tắc xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế;

- Mục đích xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn: Người bán hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm truyền dữ liệu hóa đơn cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Ngành thuế có trách nhiệm xây dựng CSDL về hóa đơn phục vụ công tác quản lý thuế hiện đại.

Chương 3

QUY ĐỊNH VỀ HÓA ĐƠN TỰ IN/ĐẶT IN

MỤC I: TẠO VÀ PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN TỰ IN/ĐẶT IN

Điều 22: Tạo hóa đơn tự in

1. Đối tượng tạo hóa đơn tự in

2. Điều kiện sử dụng hóa đơn tự in: rút ngắn thời gian từ 05 ngày xuống còn 02 ngày.

3. Điều kiện và trách nhiệm của tổ chức cung ứng phần mềm tự in hóa đơn.

Điều 23: Tạo hóa đơn đặt in

1. Đối tượng tạo hóa đơn đặt in

2. Điều kiện sử dụng hóa đơn đặt in: rút ngắn thời gian từ 05 ngày xuống còn 02 ngày.

3. Điều kiện và trách nhiệm của tổ chức nhận in hóa đơn.

Điều 24: Phát hành hóa đơn tự in/đặt in của tổ chức kinh doanh

1. Nội dung thông báo phát hành hóa đơn.

2. Thời hạn Thông báo phát hành hóa đơn: rút ngắn thời gian từ 05 ngày xuống còn 02 ngày.

Điều 25: Đối tượng mua hóa đơn của cơ quan thuế

1. Đối tượng mua hóa đơn của cơ quan thuế: Tổ chức không phải là doanh nghiệp nhưng có hoạt động kinh doanh; Hộ, cá nhân kinh doanh; Tổ chức kinh doanh nộp thuế theo phương pháp trực tiếp; Doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế, vi phạm về hóa đơn bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

2. Dấu hiệu nhận biết doanh nghiệp rủi ro về thuế.

3. Thời điểm doanh nghiệp có hành vi vi phạm về hóa đơn bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế, gian lận thuế sử dụng mua hóa đơn của cơ quan thuế.

Điều 26: Bán/Cấp hóa đơn do Cục Thuế đặt in

1. Bán hóa đơn do Cục Thuế đặt in: quy định giá bán; thủ tục bán hóa đơn.

2. Cấp hóa đơn do Cục Thuế đặt in: đối tượng cấp hóa đơn; thủ tục cấp hóa đơn.

MỤC II:

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HÓA ĐƠN TỰ IN/ĐẶT IN

Điều 27: Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ.

Điều 28: Quyền và trách nhiệm của người bán, người mua

Điều 29: Trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý hóa đơn tự in/đặt in.

Chương 4

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30: Tổ chức thực hiện.

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước: Bộ Quốc Phòng, Bộ Công An đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin về sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

2. Trách nhiệm của cơ quan thuế: Thực hiện hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc; cơ quan thuế hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện hóa đơn điện tử có xác thực của cơ quan thuế.

3. Trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp: Truyền dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế

Điều 31: Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và thay thế Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2002, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hóa đơn.

Điều 32. Hướng dẫn thi hành

Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này và phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp tuyên truyền, giáo dục và vận động nhân dân thực hiện, giám sát việc thực hiện Nghị định này.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 34: Điều khoản chuyển tiếp:

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).